

14. DANH SÁCH NGƯỜI CÓ UY TÍN TỈNH ĐIỆN BIÊN NĂM 2015



DANH SÁCH NGƯỜI CÓ UY TÍN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 27/3/2015 của UBND tỉnh Điện Biên)

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số	1.483					
A	TP. Điện Biên Phủ	36					
I	P. Thanh Trường	5					
1	Lường Thị Loan		1963		x	Thái	Bản Na Lanh
2	Lường Văn Sơn		1956	x		Thái	Bản Na Púng
3	Lò Văn Đôi		1923	x		Thái	Bản Ta Pô
4	Cà Văn Lả		1961	x		Thái	Bản Mớ
5	Lường Văn Ôn		1945	x		Thái	Bản Che Phai
II	Phường Him Lam	3					
1	Lò Văn Ôn		1966	x		Thái	Bản Him lam I
2	Lường Văn Hịa		1943	x		Thái	Bản Him lam II
3	Lường Văn Cu		1930	x		Thái	Bản Huổi phạ
III	Phường Nam Thanh	12					
1	Tòng Văn Hặc		1945	x		Thái	Bản Pom Loi
2	Lò Văn Piêng		1956	x		Thái	Bản Co Cáng
3	Lò Văn Chanh		1953	x		Thái	Bản Khá
4	Đồng Thép Pháo		1946	x		Lào	Tổ dân phố 8
5	Lù Văn Đôi		1950	x		Thái	Bản Noong Chứn
6	Hoàng Thị Thá		1937		x	Phù Lá	SN 01, Tổ dân phố 11
7	Lò Văn Thâng		1947	x		Thái	Phố 14
8	Bùi Văn Nô		1933	x		Kinh	Tổ dân phố 10
9	Phan Thanh Lâm		1953	x		Kinh	Tổ dân phố 4
10	Chu Văn Mọi		1926	x		Nùng	Tổ dân phố 16
11	Hoàng Ngọc Oanh		1939	x		Thái	Hoong En
12	Trương Trọng Đắc		1919	x		Kinh	Tổ dân phố 15
IV	Phường Noong Bua	4					
1	Lò Văn Hặc		1939	x		Thái	Bản Noong Bua
2	Lò Văn Xương		1965	x		Thái	Bản Phiêng Bua
3	Lò Văn Hặc		1957	x		Thái	Bản Hồng Lứu
4	Tòng Văn Long		1954	x		Thái	Bản Khe chít
v	Xã Tà lèng	4					
1	Mai Vĩnh Linh		1943	x		Mông	Bản Tà Lèng
2	Ngô Văn Dừa		1972	x		Mông	Bản Kê Nênh

3	Lò Văn Nhói		1938	x		Thái	Bản Nà Nghè
4	Lò Văn Páng		1962	x		Thái	Bản Lọng Hòm
VI	Xã Thanh Minh	8					
1	Quảng Văn Pán		1922	x		Thái	Bản Na Lơi
2	Quảng Thị Danh		1957		x	Thái	Bản Phiêng Lơi
3	Lò Văn Đồi		1965	x		Thái	Bản Co Cù
4	Lò Văn Sọ		1953	x		Khơ Mú	Bản Huổi Lơi
5	Lò Văn Păn		1960	x		Thái	Bản Tân Quang
6	Vàng Nhìla Thào		1938	x		Mông	Bản Pa Pồm
7	Nguyễn Văn Hải		1950	x		Mường	Tổ dân phố 2
8	Cà Thị Piếng		1959		x	Thái	Bản Púng Tôm
B	Thị xã Mường Lay	37					
I	Phường Na Lay	17					
1	Lường Văn Phái		1959	x		Thái	Bản Nậm Cản
2	Khoảng Văn Thiệp		1939	x		Thái	Bản Đán
3	Vàng Văn Huyn		1953	x		Thái	Bản Quan Chiềng
4	Điêu Văn Vần		1958	x		Thái	Bản Na Nát
5	Điêu Văn Hặc		1955	x		Thái	Bản Nghé Toong
6	Khoảng Văn Sìn		1945	x		Thái	Bản Chi Luông I
7	Điêu Văn Khịn		1937	x		Thái	Bản Chi Luông II
8	Hoàng Văn Tự		1959	x		Thái	Bản Đór
9	Chu Văn Van		1959	x		Thái	Bản Bó
10	Lò Văn Tem		1959	x		Thái	Bản Hốc
11	Điêu Văn Châu		1958	x		Thái	Bản Xá
12	Lò Thị Xiêm		1955		x	Thái	Tổ dân phố 1
13	Lâm Thị Chiềng		1954		x	Thái	Tổ dân phố 2
14	Lò Thị Nam		1947		x	Thái	Tổ dân phố 3
15	Điêu Văn Nghiệp		1983	x		Thái	Tổ dân phố 7
16	Mào Minh Mến		1950		x	Thái	Tổ dân phố 9
17	Điêu Xuân Thành		1958	x		Thái	Tổ dân phố 10
II	Phường Sông Đà	2					
1	Lầu A Dính		1927	x		Mông	Bản Huổi Mìn
2	Khoảng Văn Nguyên		1959	x		Thái	Tổ dân phố 6
III	Xã Lay Nưa	18					
1	Lò Văn Chửu		1950	x		Thái	Bản Ho Luông 1

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
2	Lò Văn Hơi		1960	x		Thái	Bản Ho Luông 2
3	Khoảng Văn Nôm		1958	x		Thái	Bản Ho Luông 3
4	Chui Văn Vui		1956	x		Thái	Bản Ổ
5	Mào Văn Quyên		1958	x		Thái	Bản Bắc 1
6	Ngô Văn Sơn		1959	x		Thái	Bản Bắc 2
7	Lù Minh Ngọt		1945	x		Thái	Bản Na Ka
8	Lò Văn Sụp		1950	x		Thái	Bản Mo 1
9	Khoảng Văn Siên		1933	x		Thái	Bản Mo 2
10	Khoảng Văn Ngạch		1942	x		Thái	Bản Ho Cang
11	Lò Thị Hum		1954		x	Thái	Bản Tạo Sen
12	Hoàng Văn Phủ		1954	x		Thái	Bản Mé
13	Sin Văn Phán		1958	x		Thái	Bản Ló 1
14	Lò Văn Lún		1960	x		Thái	Bản Ló 2
15	Điêu Văn Quỳnh		1943	x		Thái	Bản Lé
16	Giàng A Lù		1955	x		Mông	Bản Huổi Luân
17	Giàng Dũng Hầu		1939	x		Mông	Bản Hua Huổi Luông
18	Hờ A Sáu		1974	x		Mông	Bản Hua Nậm Cản
C	Huyện Mường Ảng	118					
I	Xã Búng Lao	16					
1	Lò Văn Ế		1940	x		Thái	Bản Búng II
2	Quàng Văn Tĩnh		1984	x		Khơ Mú	Bản Huổi Cầm
3	Lò Văn Tuân		1977	x		Thái	Bản Nà Lầu
4	Lò Văn Toàn		1958	x		Thái	Bản Xuân Tre II
5	Lò Văn Hom		1949	x		Thái	Bản Chợ
6	Lò Văn Páng		1945	x		Thái	Bản Búng I
7	Lò Văn Đại		1962	x		Thái	Bản Hồng Sọt
8	Lường Văn Doan		1960	x		Thái	Bản Xuân Món
9	Tòng Văn Ông		1944	x		Thái	Bản Co Nồng
10	Vàng Phái Dia		1954	x		Mông	Bản Pú Nen
11	Tòng Văn Đăm		1956	x		Thái	Bản Xuân Tre I
12	Lường Văn Tun		1952	x		Thái	Bản Nà Dên
13	Quàng Văn Phấu		1959	x		Thái	Bản Pá Tong
14	Vàng A Chía		1979	x		Mông	Bản Pá Sáng
15	Lường Văn Sơn		1947	x		Thái	Bản Lầu Cang
16	Giàng Chử Vàng		1960	x		Mông	Bản Kéo Nánh
II	Xã Ảng Cang	21					

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Sùng Bua Giàng		1962	x		Mông	Bản Pu Kai
2	Thào Gà Tú		1952	x		Mông	Bản Pu Khớ
3	Vừ Nhìa Đế		1957	x		Mông	Bản Hua Nặm
4	Lường Văn Ộ		1943	x		Thái	Bản Mánh Đanh
5	Cà Văn Sinh		1950	x		Thái	Bản Hua Ná
6	Lò Văn Dương		1943	x		Thái	Bản Co En
7	Tòng Văn Nhói		1957	x		Thái	Bản Cỏi
8	Lò Văn Hoa		1967	x		Thái	Bản Kéo
9	Lò Văn Hồng		1959	x		Thái	Bản Hón
10	Lò Văn Đạo		1960	x		Thái	Bản Noong Háng
11	Lù Văn Ánh		1945	x		Thái	Huổi Sứa Cuông
12	Lò Văn Bổng		1950	x		Thái	Bản Bánh
13	Lường Văn Pộm		1944	x		Thái	Bản Hua Ngưỡng
14	Cà Văn Ế		1947	x		Thái	Bản Pom Ké
15	Lò Văn Bạ		1969	x		Thái	Bản Hồng Sọt
16	Hậu Phái Chénh		1954	x		Mông	Bản Pú Súa
17	Lường Văn Ướng		1954	x		Thái	Bản Co Săn
18	Lường Văn Ngược		1949	x		Thái	Bản Huổi Sứa
19	Lù Văn Lả		1973	x		Thái	Bản Sáng
20	Quảng Văn Bạt		1956	x		Thái	Bản Giàng
21	Hờ Sái Phía		1950	x		Mông	Pá Liếng
III	Xã Ngồi Cáy	9					
1	Lò Văn Muôn		1941	x		Thái	Bản Nong
2	Lò Văn Thu		1956	x		Thái	Bản Săng
3	Lò Văn Săn		1940	x		Thái	Bản Ngồi
4	Lò Văn Chứa		1948	x		Thái	Bản Cáy
5	Tráng A Dơ		1964	x		Mông	Bản Chan III
6	Vàng A Dũa		1974	x		Mông	Bản Nặm Cúm
7	Lò Văn Tú		1940	x		Thái	Bản Xuân Ban
8	Lò văn Biển		1971	x		Thái	Bản Co Cọ
9	Quảng Văn Phanh		1925	x		Thái	Bản Co Hắm
IV	Xã Mường Lạn	12					
1	Tòng Văn Lả		1943	x		Thái	Bản Hua Ná B
2	Lò Văn Hiến		1937	x		Thái	Bản Hua Ná A
3	Lò Văn Pó		1958	x		Thái	Bản Có
4	Lò Văn Pánh		1948	x		Thái	Bản Xuân Lúa

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
5	Quàng Văn Thịnh		1954	x		Thái	Bản Lạn A
6	Lò Văn Tun		1954	x		Thái	Bản Lạn B
7	Lò Văn Inh		1943	x		Thái	Bản Nhộp
8	Lò Văn Ấn		1934	x		Thái	Bản Bon
9	Lường Văn Sương		1948	x		Thái	Bản Co Muông
10	Lò Văn Bun		1947	x		Thái	Bản Co Sắn
11	Lò Văn Sại		1943	x		Thái	Bản Huổi Ly
12	Lò Văn Kẻo		1957	x		Khơ Mú	Bản Pá Nặm
V	Mường Đăng	10					
1	Lò Văn Hịa		1930	x		Thái	Bản Co muông
2	Lò văn Hốp		1948	x		Thái	Bản Đăng
3	Quàng Văn Xe		1925	x		Thái	Bản Pọng
4	Bạc Cầm Phong		1964	x		Thái	Bản Xôm
5	Giàng A Lư		1924	x		Mông	Bản Nặm Pọng
6	Lý A Tạng		1969	x		Mông	Bản Chan I
7	Lý A Lệnh		1964	x		Mông	Bản Chan II
8	Quàng Văn Liên		1959	x		Thái	Bản Co Pháy
9	Quàng Văn Pâng		1942	x		Thái	Bản Huổi Tăng
10	Lò Văn Hương		1962	x		Thái	Bản Thái
VI	Xã Ảng Tở	10					
1	Lường Văn Muôn		1944	x		Thái	Bản Co Có
2	Vàng A Khây		1957	x		Mông	Bản Huổi Háo
3	Lý A Tro		1964	x		Mông	Bản Pú Tiú
4	Lò Văn Ấn		1963	x		Khơ Mú	Bản Cha Cuông
5	Lý A Súa		1953	x		Mông	Bản Huổi Chôn
6	Quàng Văn Tụi		1940	x		Thái	Bản Cha Nọ
7	Cà Văn Yên		1932	x		Thái	Bản Bua 1
8	Quàng Văn Mứn		1960	x		Khơ Mú	Bản Tọ Cuông
9	Lý A Cá		1956	x		Mông	Bản Thổ Lộ
10	Quàng Văn Tây		1932	x		Thái	Bản Bua 2
VII	Xã Xuân Lao	20					
1	Lò Văn Long		1960	x		Thái	Bản Pá Uổi
2	Lò Văn Luân		1953	x		Thái	Bản Pháy
3	Lò Văn Sang		1940	x		Thái	Bản Pá Lạn
4	Lò Văn Hít		1950	x		Thái	Bản Khén
5	Lò Văn Mặn		1963	x		Thái	Bản Co Muông

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
6	Lò Văn Hồng		1980	x		Thái	Bản Chiềng Xôm
7	Lò Văn Thiên		1962	x		Thái	Bản Kéo
8	Tòng Văn Xuân		1959	x		Thái	Bản Món Hà
9	Lò Văn Minh		1975	x		Thái	Bản Co Hón
10	Lò Văn Pó		1950	x		Thái	Bản Chiềng Lao
11	Lò Văn Tin		1947	x		Thái	Bản Co Hịa
12	Lò Văn Lún		1949	x		Thái	Bản Xuân Lửa
13	Lâu Phái Dia		1969	x		Mông	Bản Thảm Châu
14	Lò Văn Tinh		1987	x		Khơ Mú	Bản Phiêng Lao
15	Hà Chừ Dơ		1966	x		Mông	Bản Hua Pí
16	Sùng Dua Hờ		1960	x		Mông	Bản Thảm Tọ
17	Giàng Giống Dừa		1959	x		Mông	Bản Pha Hún
18	Sùng Nhia Chá		1935	x		Mông	Bản Chùa Sầu
19	Lò Văn Oi		1937	x		Thái	Bản Pí
20	Lò Văn Mắng		1932	x		Thái	Bản Lao
VIII	Xã Ảng Nưa	11					
1	Lò Văn Sáng		1953	x		Thái	Bản Co Sáng
2	Tòng Văn Dong		1945	x		Thái	Bản Na Luông
3	Quàng Văn Thương		1949	x		Thái	Bản Co Hăm
4	Lò Văn Phan		1959	x		Thái	Bản Lé
5	Lù Văn Phương		1936	x		Thái	Bản Cang
6	Lò Văn Lả		1958	x		Thái	Bản Mới
7	Lò Văn Chơ		1946	x		Thái	Bản Bó Mạy
8	Lý A Khứ		1950	x		Mông	Bản Tát Hẹ
9	Lường Thị Nhói		1948		x	Thái	Bản Cù
10	Lường Văn Mộc		1950	x		Thái	Bản Na Hán
11	Lò Văn Sứa		1952	x		Thái	Bản Tin Tộc
IX	Xã Nặm Lịch	9					
1	Chá Pháy Dia		1955	x		Mông	Bản Pá Khôm
2	Chá Súa Sùng		1961	x		Mông	Bản Thảm Phẳng
3	Ly Khuá Sáo		1945	x		Mông	Bản Thảm Hóng
4	Lường Văn Tiêng		1952	x		Thái	Bản Lịch Nưa
5	Quàng Văn Pánh		1941	x		Thái	Bản Ten
6	Cà Văn Diên		1951	x		Thái	Bản Lịch Cang
7	Lường Văn Cu		1938	x		Thái	Bản Lịch Tở

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
8	Lò Văn Sỏi		1963	x		Thái	Bản Ít Nọi
9	Mùa Chủ Hờ		1982	x		Mông	Bản Huổi Lường
D	Huyện Mường Nhé	100					
I	Xã Sín Thầu	7					
1	Pờ Á Sinh		1953	x		Hà Nhì	Tà Kổ Khừ
2	Lý Xuyên Phù		1958	x		Hà Nhì	A Pa Chải
3	Mạ Ý Phạ		1963	x		Hà Nhì	Pờ Nhù Khò
4	Chang Chang Xá		1975	x		Hà Nhì	Tá Miếu
5	Vù Vù Sinh		1963	x		Hà Nhì	Tà Kổ Ky
6	Chảo Khò Tư		1980	x		Hà Nhì	Lý Mạ Tá
7	Khoảng Hệ Cà		1991	x		Hà Nhì	Bản Tà Sú Linh
II	Xã Sen Thượng	7					
1	Lý Lý Phạ		1956	x		Hà Nhì	Bản Sen Thượng
2	Phùng Xề Tư		1873	x		Hà Nhì	Bản Chiêu Sừng
3	Chang Gô Hừ		1980	x		Hà Nhì	Bản Long San
4	Khoảng Cha Lèn		1959	x		Hà Nhì	Bản Tá Khoa Pá
5	Pờ Xuân Chừ		1952	x		Hà Nhì	Bản Tả Ló San
6	Toán Lóng Hừ		1964	x		Hà Nhì	Bản Pa Ma
7	Pờ Giá Chừ		1990	x		Hà Nhì	Bản Lò San Chải
III	Xã Leng Su Sìn	6					
1	Lý Kim Thành		1962	x		Dao	Bản Leng Su Sìn
2	Chang Lòng Chừ		1971	x		Hà Nhì	Bản Suối Voi
3	Mùa Sỏ Say		1956	x		Mông	Bản Cà Là Pá
4	Khoảng Sà Họa		1959	x		Hà Nhì	Bản Á Di
5	Sì Xề Tư		1965	x		Hà Nhì	Bản Phứ Ma
6	Pờ Ý Pò		1968	x		Hà Nhì	Bản Gia Chứ
IV	Xã Chung Chải	10					
1	Lý Gió Cà		1958	x		Hà Nhì	Đoàn Kết
2	Phản Chang Sinh		1983	x		Hà Nhì	Nậm Pắc
3	Lý Lòng Chừ A		1962	x		Hà Nhì	N. Khum
4	Sừng Xề Chừ		1964	x		Hà Nhì	Xi Ma
5	Lý Phu Lòng		1980	x		Hà Nhì	Cây Muồm
6	Sừng Gió Chừ B		1958	x		Hà Nhì	Húy To Hà Nhì
7	Lý Chà Che		1952	x		Si La	Nậm Sìn
8	Sùng Dũng Dia		1943	x		Mông	Nậm Vì
9	Cháng A Minh		1964	x		Mông	Pá Lùng

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
10	Giàng Khua Lòng		1984	x		Mông	Xà Quế
V	Xã Mường Nhé	15					
1	Sùng A Chở		1961	x		Mông	Bản Nậm San 1
2	Lầu Chờ Sinh		1944	x		Mông	Bản Nậm San 2
3	Thào A Đua		1964	x		Mông	Bản Nậm Là
4	Phùng Thị Sơ		1950		x	Thái	Bản Nà Pán
5	Mào Văn Ún A		1944	x		Thái	Bản Mường Nhé
6	Lò Văn Vui		1966	x		Thái	Bản Phiêng Kham
7	Mùa A Páo		1974	x		Mông	Bản Nậm Pồ 1
8	Hạng A Tú (A)		1960	x		Mông	Bản Nậm Pồ 2
9	Thào A Máng		1958	x		Mông	Bản Nậm Pồ 3
10	Hờ A Dĩa		1969	x		Mông	Bản Nậm Pồ 4
11	Chang A Vừ		1964	x		Mông	Bản Huổi Cọ
12	Mùa A Tùng		1970	x		Mông	Bản Co Lót
13	Trịnh Xuân Phùng		1952	x		Kinh	Cụm Dân cư số 1
14	Lành Thị Phiến		1962		x	Thái	Cụm Dân cư số 2
15	Đào Duy Minh		1953	x		Kinh	Cụm Dân cư số 3
VI	Xã Nậm Vĩ	6					
1	Lầu Chử Dạ		1953	x		Mông	Cây Sỏ
2	Giàng Ghe Súa		1954	x		Mông	Vang Hồ
3	Sùng Súa Sinh		1954	x		Mông	Huổi Lúm
4	Lò Văn Nơ		1959	x		Thái	Nậm Vĩ
5	Hạng A Câu		1962	x		Mông	Huổi Chạ I
6	Lý Giồng Hờ		1959	x		Mông	Huổi Chạ II
VII	Xã Mường Toong	13					
1	Mào Văn Giới		1958	x		Thái	Bản Mường Toong I
2	Lò Văn Som		1959	x		Thái	Bản Mường Toong II
3	Vàng Thị Hôm		1956		x	Thái	Bản Mường Toong III
4	Giàng A Chớ		1965	x		Mông	Bản Ngã Ba
5	Lý A Sùng		1979	x		Mông	Bản Huổi Pinh
6	Léo Thị Păn		1955		x	Thái	Bản Yên
7	Vàng Cửa Páo		1984	x		Mông	Bản Nậm Xả
8	Giàng A Tủa		1954	x		Mông	Bản Tà Hàng
9	Vừ Sái Lử		1964	x		Mông	Nậm Pan I

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
10	Sùng A Kỳ		1939	x		Mông	Bản Nậm Pan III
11	Sùng A Chu		1959	x		Mông	Bản Huổi Cẩn
12	Giàng A Cu		1965			Mông	Bản Mường Toong 10
13	Mùa A Chư		1978			Mông	Bản Huổi Đanh
VIII	Xã Nậm Kè	11					
1	Giàng A Phừ		1961	x		Mông	Bản Huổi Thanh 2
2	Đặng Văn Phòng		1978	x		Sán Chỉ	Bản Huổi Thanh 1
3	Hù Văn Thệt		1957	x		Cống	Bản Nậm Kè
4	Lý Văn Dón		1955	x		Thái	Bản Phiêng Vai
5	Giàng Páo Sùng		1958	x		Mông	Bản Chuyên gia I
6	Vàng A Chu		1953	x		Mông	Bản Chuyên gia II
7	Cứ A Súa		1963	x		Mông	Bản Chuyên gia III
8	Giàng A Đình		1974	x		Mông	Bản Huổi Khon I
9	Thào A Kỳ		1973	x		Mông	Bản Huổi Khon II
10	Hằng A Cha		1977	x		Mông	Bản Huổi Hóc
11	Giàng A Páo		1978	x		Mông	Bản Huổi Hết
IX	Xã Pá Mỹ	10					
1	Giàng A Páo		1964	x		Mông	Bản Pá Mỹ 1
2	Vàng Trần Nhân		1969	x		Dao	Bản Pá Mỹ 2
3	Tráng A Vư		1972	x		Mông	Bản Pá Mỹ 3
4	Chảo Chín Khuân		1979	x		Dao	Bản Huổi Lụ I
5	Đặng Văn Ôn		1963	x		Sán Chỉ	Bản Huổi Lụ 2
6	Chảo Văn Hang		1968	x		Dao	Bản Huổi Lụ 3
7	Lầu A Cù		1974	7		Mông	Bản Huổi Lích 1
8	Đặng Giao Siêu		1970	x		Dao	Bản Huổi Lích 2
9	Phùng Chàng Minh		1959	x		Dao	Bản Huổi Pét
10	Thào A Tú		1960	x		Mông	Bản Tàng Phon
X	Xã Quảng Lâm	8					
1	Hạng A Páo		1955	x		Mông	Huổi Quang
2	Thào A Phùa		1950	x		Mông	Bản Huổi Sái Lương
3	Giàng A Chu		1962	x		Mông	Bản Dền Thàng
4	Liều A Lử		1961	x		Mông	Trạm Púng
5	Giàng A Sà		1964	x		Mông	Bản Chà Nội I
6	Vàng Văn Hán		1949	x		Kháng	Quảng Lâm
7	Giàng A Sinh A		1959	x		Mông	Bản Huổi Lấp
8	Thào A Sà		1959			Mông	Bản Chà Nội II

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
XI	Xã Huổi Lếch	7					
1	Mùa A Su		1959	x		Mông	Bản Nậm Pan II
2	Giàng A Vàng		1964	x		Mông	Bản Huổi Lếch
3	Hạng Chờ Páo		1949	x		Mông	Bản Cây Sặt
4	Hạng A Sùng		1941	x		Mông	Bản Nậm Mỹ I
5	Giàng A Sinh		1962	x		Mông	Bản Nậm Mỹ II
6	Tần Diều Ván		1923	x		Dao	Bản Nậm Hính I
7	Chang A Lồng		1972	x		Mông	Bản Nậm Hính II
E	Huyện Mường Chà	114					
I	Xã Huổi Lèng	7					
1	Thàn Quảng Sàng		1950	x		Hoa	Bản Huổi Lèng
2	Giàng Chứ trắng		1946	x		Mông	Bản Huổi Toóng I
3	Hạng Pàng Chứ		1960	x		Mông	Bản Trung Đình
4	Thào Súa Lầu		1932	x		Mông	Bản Huổi Toóng II
5	Sùng Chờ Máng		1982	x		Mông	Bản Ca Dính Nhè
6	Vừ Bìa Cho		1948	x		Mông	Bản Ma Lù Thàng
7	Sùng Nhè Chứ		1962	x		Mông	Bản Nậm Chua
II	Xã Mường Mươn	11					
1	Lý Văn Kẻo		1957	x		Khơ Mú	Bản Púng Giắt I
2	Lò Văn Sét		1958	x		Khơ Mú	Bản Púng Giắt II
3	Lò Văn Lốt		1954	x		Khơ Mú	Bản Huổi Vang
4	Lò Văn Pản		1952	x		Thái	Bản Mường Mươn I
5	Lò Văn Mớ		1951	x		Thái	Bản Mường Mươn II
6	Lý A Kịa		1968	x		Mông	Bản Pú Chả
7	Thào A Dao		1958	x		Mông	Bản Pú Múa
8	Lầu A Páo		1972	x		Mông	Bản Huổi Nhả
9	Hờ Trùng Chá		1945	x		Mông	Bản Huổi Meo
10	Lý A Pó		1952	x		Mông	Bản Huổi Ho
11	Lý Cháy Thào		1966	x		Mông	Bản Kết Tinh
III	Xã Na Sang	10					
1	Lò Văn Chương		1949	x		Thái	Bản Na Pheo
2	Cà Văn Sy		1951	x		Khơ Mú	Bản Co Đũa
3	Lò Văn Kẹo (A)		1954	x		Khơ Mú	Bản Na Sang
4	Lò Văn Hặc		1950	x		Kháng	Bản Hin I
5	Lường Văn Phương		1978	x		Kháng	Bản Hin II
6	Giàng A Tính		1958	x		Mông	Bản Huổi Lóng

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
7	Vàng Chử Chia		1918	x		Mông	Bản Huổi Xưa
8	Vàng A Ly		1960	x		Mông	Bản Huổi Xuân
9	Lý Sáu Và		1964	x		Mông	Bản Nậm Bó
10	Thào Trừ Dính		1972	x		Mông	Bản Huổi Hạ
IV	Xã Sa Long	7					
1	Si A Vần		1960	x		Hoa	Bản Thèn Pả
2	Vàng Chồng Chĩa		1960	x		Mông	Bản Cồng Trời
3	Chớ Bla Hồ		1952	x		Mông	Bản Sa Long I
4	Hồ Giồng Chua		1976	x		Mông	Bản Sa Long II
5	Lý Dụ Cánh		1962	x		Mông	Bản Háng Lìa
6	Sinh A Phử		1979	x		Mông	Bản Pu Ca
7	Hồ Nhè Chử		1958	x		Mông	Bản Chiêu Ly
V	Xã Ma Thì Hồ	12					
1	Ly A Vừ		1990	x		Mông	Bản Nậm Chim
2	Sùng Chồng Chớ		1954	x		Mông	Bản Huổi Mỹ
3	Hờ Sía Sủ		1953	x		Mông	Bản Huổi Quang I
4	Cháng Vàng Dế		1954	x		Mông	Bản Huổi Y
5	Cháng A Dơ		1945	x		Mông	Bản Huổi Quang II
6	Sùng Nhè Câu		1957	x		Mông	Bản Ma Thì Hồ II
7	Sùng Giồng Chua		1966	x		Mông	Bản Làng Dung
8	Vừ Chử Sính		1940	x		Mông	Bản Huổi Sang
9	Vừ Sáy Lồng		1950	x		Mông	Bản Hồ Chim I
10	Hạng Dụ Chúng		1945	x		Mông	Bản Hồ Chim II
11	Sùng Giồng Thàng		1967	x		Mông	Bản Huổi Chua
12	Hờ Giồng Hua		1972	x		Mông	Bản Ma Thì Hồ I
VI	TTr. Mường Chà	5					
1	Lường Văn Phan		1950	x		Thái	Tổ dân phố số 1
2	Lò Văn Ngoan		1951	x		Thái	Tổ dân phố số 2
3	Sùng Thị Sung		1940		x	Mông	Tổ dân phố số 3
4	Sin Thị Nguyên		1962		x	Thái	Tổ dân phố số 4
5	Vàng Sáy Vừ		1950	x		Mông	Tổ dân phố số 13
VII	Xã Hừa Ngải	9					
1	Mùa Chử Tủa		1950	x		Mông	Bản Há Là Chủ A
2	Sùng Giồng Xĩa		1943	x		Mông	Bản Há Là Chủ B
3	Giàng Nhè Thàng		1947	x		Mông	Bản San Suối
4	Sùng Phái Hoa		1976	x		Mông	Bản San Sả Hồ

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
5	Ly Giồng Sinh		1982	x		Mông	Bản Hát Tre (B)
6	Ly Gà Sáng		1954	x		Mông	Bản Phi Công
7	Vàng Giồng Chứ		1967	x		Mông	Bản Hừa Ngải
8	Giàng Trùng Sính		1954	x		Mông	Bản Hát Tre (A)
9	Giàng Trừ Giồng		1978	x		Mông	Bản Phua Dì Tổng
VIII	Xã Huổi Mí	10					
1	Giàng Chừ Châu		1958	x		Mông	Bản Huổi Mí II
2	Lù Văn Lương		1977	x		Khơ Mú	Bản Huổi Páng
3	Lò Văn Thiện		1969	x		Thái	Bản Lồng Tạo
4	Mùa Xía Khua		1974	x		Mông	Bản Pa Son II
5	Vừ Chừ Giàng		1972	x		Mông	Bản Huổi Xuân
6	Khoàng Văn Sương		1954	x		Khơ Mú	Bản Pa Ít
7	Hồ Chừ Chía		1960	x		Mông	Bản Pa Son I
8	Sùng Vàng Cầu		1975	x		Mông	Bản Huổi Mí I
9	Vừ Nụ Páo		1974	x		Mông	Bản Huổi Ít
10	Giàng A Sẻ		1968	x		Mông	Bản Lùng Thàng
IX	Xã Sá Tổng	10					
1	Sùng Khoa Páo		1956	x		Mông	Bản Dế Da
2	Vàng Vàng Hờ		1945	x		Mông	Bản Trung Ghênh
3	Hờ Bia Tú		1957	x		Mông	Bản Sá Tổng
4	Hờ Phái Sớ		1958	x		Mông	Bản Háng Lìa
5	Hờ Nhè Sào		1964	x		Mông	Bản Sá Ninh
6	Giàng Chồng Dính		1970	x		Mông	Bản Phi Hai
7	Giàng Chừ Dình		1958	x		Mông	Bản Đề Dê
8	Giàng Chá Hờ		1968	x		Mông	Bản Háng Mùa Lừ
9	Giàng A Khai		1970	x		Mông	Bản Xà Phìn I
10	Hờ Trùng Phía		1934	x		Mông	Bản Xà Phìn II
X	Xã Pa Ham	9					
1	Giàng Trồng Di		1954	x		Mông	Bản Huổi Đáp
2	Vừ Sái Páo		1958	x		Mông	Bản Huổi Bon I
3	Lò Văn Yên		1958	x		Thái	Bản Mường Anh I
4	Lò Văn Châm		1966	x		Thái	Bản Phong Châu
5	Khoàng Văn Vông		1941	x		Thái	Bản Pa Ham I
6	Lò Văn Chú		1940	x		Thái	Bản Pa Ham II
7	Lò Văn Hăn		1928	x		Thái	Bản Mường Anh II
8	Giàng Dụ Chổng		1954	x		Mông	Bản Huổi Cang

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
9	Thào Xè Linh		1965	x		Mông	Bản Huổi Bon II
XI	Xã Nậm Nèn	9					
1	Tòng Văn Viễn		1963	x		Thái	Bản Nậm Nèn II
2	Ly A Dính		1988	x		Mông	Bản Cứu Táng
3	Lò Văn kéo		1963	x		Khơ Mú	Bản Hô Mực
4	Lò Văn Nhời		1969	x		Thái	Bản Nậm Cút
5	Lò Văn Phanb		1950	x		Kháng	Bản Phiêng Đất A
6	Màng Văn Bô		1952	x		Thái	Bản Phiêng Đất B
7	Hạng A Sìa		1983	x		Mông	Bản Hô Cút
8	Mào Văn Tỉnh		1963	x		Thái	Bản Nậm Nèn I
9	Vừ Xáy Dưa		1962	x		Mông	Bản Háng Trờ
XII	Xã Mường Tùng	15					
1	Lò Văn Hợp		1960	x		Thái	Bản Mường Tùng
2	Lò Thị Lén		1957		x	Thái	Bản Pom Cại
3	Cao Xuân Quyết		1960	x		Thái	Bản Bản Mới
4	Lường Văn Kiếm		1952	x		Thái	Bản Phiêng Ban
5	Lò Văn Chai		1942	x		Thái	Bản Tin Tót
6	Lường Văn Phương		1954	x		Thái	Bản Nậm He I
7	Khà Văn Khao		1951	x		Thái	Bản Nậm He II
8	Lò Văn Ế		1938	x		Thái	Bản Huổi Sáy
9	Giàng Nhè Vàng		1951	x		Mông	Bản Huổi Chá
10	Chang Nọ Chu		1957	x		Mông	Bản Đán Đanh
11	Chang A Che		1955	x		Mông	Bản Nậm Piền
12	Chang A Thề		1978	x		Mông	Bản Nậm Cang I
13	Ly Sáy Thành		1962	x		Mông	Bản Púng Trạng
14	Ly A Ế		1957	x		Mông	Bản Nậm Cang II
15	Thào Trừ Páo		1964	x		Mông	Bản Huổi Diết
G	H. Tủa Chùa	136					
I	Xã Xá Nhè	15					
1	Hạng Chờ Vàng		1960	x		Mông	Tỉnh B
2	Sùng Blà Lù		1938	x		Mông	Pằng Dề A1
3	Vàng Chờ Di		1956	x		Mông	Bản Lịch 1
4	Giàng Nủ Páo		1968	x		Mông	Bản Hẹ 2
5	Giàng A Lồng		1948	x		Mông	Sính Sủ 2
6	Thào Chờ Chắt		1957	x		Mông	Trung Dù
7	Điêu chính Nhang		1954	x		Thái	Bản Lịch 2

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
8	Giàng A Chinh		1974	x		Mông	Sông A 2
9	Vàng Dũng Khua		1976	x		Mông	Sông A 1
10	Sùng Trùng Tu		1967	x		Mông	Pằng Dề A2
11	Mùa Bùa Chờ		1966	x		Mông	Bản Hẹ1
12	Quảng Văn Chung		1945	x		Thái	Phiêng Quảng
13	Thào A Chinh		1932	x		Mông	Sính Sủ 1
14	Thào Dũng Nhè		1960	x		Mông	Pằng Dề B
15	Vàng Sính Trừ		1956	x		Mông	Pằng Nhang
II	Xã Mường Đun	9					
1	Hạng A Tính		1957	x		Mông	Đề Tâu
2	Quảng Văn Thanh		1973	x		Thái	Bản Kép
3	Liềm Văn Chóm		1956	x		Thái	Nà Xa
4	Lò Văn chơi		1971	x		Thái	Loọng Phạ
5	Quảng Văn Hớn		1958	x		Thái	Đun Nưa
6	Tần A Liệu		1984	x		Dao	Pá Ổ
7	Lường Văn Phôi		1969	x		Thái	Bản Hột
8	Lò Thị Chở		1975		x	Thái	Bản Đun
9	Điêu Thị Thức		1981		x	Thái	Bản Túc
III	Xã Tả Sìn Thàng	8					
1	Lù Chiễn Sấn		1964	x		Hoa	Tả Sìn Thàng
2	Hạng A Ký		1933	x		Mông	Háng Chơ
3	Thào A Mang		1932	x		Mông	Tả Chinh
4	Cứ A Dê		1942	x		Mông	Háng Sùa
5	Sùng A Lử		1960	x		Mông	Páo Tinh Làng 1
6	Sùng A Dề		1963	x		Mông	Páo Tinh Làng 2
7	Giàng A Páo		1947	x		Mông	Là Sảng 1
8	Chang A Súa		1962	x		Mông	Là Sảng 2
IV	Sín Chải	12					
1	Giàng A Vàng		1968	x		Mông	Cáng Tỷ
2	Mùa A Sinh		1964	x		Mông	Sín Chải
3	Thào A Pha		1953	x		Mông	Mảng Chiềng
4	Vừ Chờ Di		1953	x		Mông	Chế Cu Nhe
5	Sùng Chử Dề		1963	x		Mông	Lầu Sủ Phình
6	Chang A Lua		1954	x		Mông	Cáng Chua 1
7	Mùa Khua Mảng		1971	x		Mông	Cáng Chua 2
8	Hạng A Sinh		1951	x		Mông	Hầu Chua

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
9	Giàng A Chinh		1982	x		Mông	Háng Khúa
10	Lý A Đông		1977	x		Mông	Séo Mí Chải
11	Vàng A Lồng		1952	x		Mông	Trung Gầu Bua
12	Sùng A Chù		1953	x		Mông	Háng Là
V	Trung Thu	9		x			
1	Vừ A Cầu		1954	x		Mông	Trung Thu
2	Thào A Mang		1950	x		Mông	Nhè Súa Háng
3	Giàng A Củ		1948	x		Mông	Phình Hồ Ke
4	Giàng A Phổng		1964	x		Mông	Mô Lô Tổng
5	Sùng Pàng Chư		1945	x		Mông	Háng Cu Tâu
6	Thào A Tinh		1962	x		Mông	Bản Phô
7	Vừ A Vư		1961	x		Mông	Pô Ca Dao
8	Thào Sáy Pủa		1955	x		Mông	Trung Vàng Khỏ
9	Vừ A Pùa		1972			Mông	Đề Bâu
VI	Tủa Thàng	10				Mông	
1	Mùa A Chu		1945	x		Mông	Tà Huổi Tráng 1
2	Giàng A Cửa		1959	x		Mông	Tủa Thàng
3	Chang A Tùng		1952	x		Mông	Phi Giàng 2
4	Lù A Giao		1952	x		Mông	Làng Vùa 2
5	Lò Văn Sấn		1948	x		Thái	Huổi Chằng
6	Tòng Văn Tao		1946	x		Thái	Tà Huổi Tráng 2
7	Giàng A Kỷ		1955	x		Mông	Phi Giàng 1
8	Hờ A Câu		1935	x		Mông	Đề Chu
9	Quảng Văn Hơm		1933	x		Thái	Tà Si Láng
10	Giàng A Tủa		1957	x		Mông	Làng Vùa 1
VII	Sính Phình	18					
1	Cứ A Dê		1951	x		Mông	Vàng Chua
2	Hạng A Giàng		1955	x		Mông	Phi Dinh 1
3	Giàng A Chu		1976	x		Mông	Phi Dinh 2
4	Thào A Nủ		1947	x		Mông	Đề Dê Hu 2
5	Sùng A Lừ		1985	x		Mông	Phiên Páng
6	Thào A Páo		1955	x		Mông	Tà Lào Cáo
7	Cứ A Khua		1962	x		Mông	Dê Dàng 1
8	Cứ A Sử		1961	x		Mông	Dê Dàng 2
9	Giàng A Làng		1959	x		Mông	Háng Đề Dê 1
10	Sùng A Tính		1955	x		Mông	Háng Đề Dê 2

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
11	Vừ A Khanh		1962	x		Mông	Tà Pao
12	Giàng A Chinh		1964	x		Mông	Trại Trường
13	Vì A Tở		1954	x		Mông	Thôn 1
14	Sinh A Chù		1968	x		Mông	Đề Hái
15	Giàng A Lờ		1964	x		Mông	Thôn 4
16	Sinh A Dề		1975	x		Mông	Thôn 2
17	Giàng A Nhớ		1978	x		Mông	Thôn 3
18	Thào A Chua		1990	x		Mông	Đề Dê Hu 1
VIII	Lao Xả Phình	6		x			
1	Ly Pàng Sinh		1953	x		Mông	Thôn 1
2	Hồ Di Pao		1934	x		Hoa	Thôn 2
3	Vàng A Ly (A)		1941	x		Mông	Thôn 3
4	Sùng A Chu		1953	x		Mông	Lầu Câu Phình
5	Sùng A Dê		1959	x		Mông	Cáng Phình
6	Thào A Súa		1961	x		Mông	Chèo Chử Phình
IX	Huổi Sô	9					
1	Lý A Hy		1954	x		Dao	Huổi Lóng
2	Vừ Cháy Phổng		1954	x		Mông	Hồng Ngải
3	Vàng A Kinh		1954	x		Dao	Pê Răng Ky
4	Chang A Cẩu		1961	x		Dao	Căn Hồ
5	Lý A Ngẩn (B)		1958	x		Dao	Thôn 2
6	Vàng A Hy		1962	x		Dao	Thôn 1
7	Lý A Thăm		1941	x		Dao	Tù Cha
8	Hờ A Lứ		1923	x		Mông	Háng Pàng
9	Giàng A Lầu		1959	x		Mông	Huổi Ca
X	Tả Phìn	10					
1	Sùng A Chang		1959	x		Mông	Háng Sung 1
2	Chang A Páo		1942	x		Mông	Háng Sung 2
3	Chang A Mang		1962	x		Mông	Là Xa
4	Mùa Chử Màng		1940	x		Mông	Tả Phìn 1
5	Chang A Tùng		1958	x		Mông	Tả Phìn 2
6	Thào A Páo		1940	x		Mông	Séo Phình
7	Giàng A Chư		1964	x		Mông	Tà Dê
8	Sùng A Chớ		1955	x		Mông	Tủa Chử Phùng
9	Ly A Nủ		1952	x		Mông	Củ Di Sang
10	Giàng A Dinh		1967	x		Mông	Tào Cu Nhe

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
XI	Mường Báng	28					
1	Tòng Văn Nịn		1945	x		Thái	Đội 4
2	Giàng A Su		1958	x		Mông	Háng Trờ 2
3	Cháng A Giàng		1979	x		Mông	Huổi Lực 1
4	Sùng A Vừ		1955	x		Mông	Háng Trờ 1
5	Sùng Gà Súa		1955	x		Mông	Từ Ngải 2
6	Vàng A Sinh		1953	x		Mông	Đông Phi 1
7	Giàng A Súa		1961	x		Mông	Đông Phi 2
8	Điêu Chính Giêng		1947	x		Thái	Đội 1
9	Điêu Chính Dơ		1955	x		Thái	Đội 7
10	Sùng A Sừ		1948	x		Mông	Háng Tơ Mang 2
11	Điêu Chính Côm		1949	x		Thái	Đội 6
12	Lò Văn Nguyên		1954	x		Thái	Đội 2
13	Vừ Chừ Mua		1920	x		Mông	Từ Ngải 1
14	Quàng Văn Chỏi		1957	x		Khơ Mú	Pú Ôn
15	Lò Văn Hao		1954	x		Thái	Đội 8
16	Mào Văn Khôn		1936	x		Thái	Đội 10
17	Hờ A Xà		1930	x		Mông	Kẻ Cải
18	Giàng Nủ Páo		1940	x		Mông	Phiêng Bung
19	Tòng Văn Chính		1956	x		Thái	Đội 5
20	Giàng A Lệnh		1966	x		Mông	Sông Ún
21	Giàng A Sừ		1942	x		Mông	Huổi Lếch
22	Lò Văn Thiêu		1931	x		Thái	Đội 3
23	Quàng Văn Giót		1922	x		Thái	Nà Áng
24	Lò Văn Quyển		1945	x		Thái	Huổi Lực 2
25	Lò Văn Piêng		1947	x		Thái	Bản Sảng
26	Điêu Chính Sảo		1932	x		Thái	Bản Ến
27	Tòng Văn Thu		1942	x		Thái	Bản Ten
28	Giàng A Thào		1971	x		Mông	Háng Tơ Mang 1
XII	Thị Trấn	2					
1	Thào Chờ Dí		1939	x		Mông	Khu Thành Công
2	Lò Thị Phòng		1966		x	Thái	Khu Bản Cáp
H	H. Tuần Giáo	227					
I	Pú Nhung	10					
1	Vừ Chờ Nền		1964	x		Mông	Xá Tự
2	Sùng Phái Hồng		1961	x		Mông	Khó Bua

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
3	Chá Nhìa Dính		1970	x		Mông	Đề Chia A
4	Lầu Súa Tòng		1962	x		Mông	Đề Chia B
5	Vừ Dũng Khá		1968	x		Mông	Đề Chia C
6	Vừ Chừ Sùng		1959	x		Mông	Phiêng Pi A
7	Sùng Gà Lầu		1963	x		Mông	Phiêng Pi B
8	Ly Dũng Lềnh		1964	x		Mông	Tênh Lá
9	Vừ Blia Sênh		1958	x		Mông	Trung Đình
10	Ly Chù Di		1962	x		Mông	Chu Lú
II	Ta Ma	8					
1	Giàng Vàng Tủa		1949	x		Mông	Phiêng Cải
2	Giàng Sáu Chá		1952	x		Mông	Phình Cừ
3	Giàng Sông Dua		1964	x		Mông	Háng Chua
4	Giàng Nữ Dơ		1930	x		Mông	Thớ Tỷ
5	Mùa Chồng Giàng		1965	x		Mông	Kề Cải
6	Quảng Văn Pao		1960	x		Kháng	Nà Đẳng
7	Lò Văn Nó		1930	x		Kháng	Trạm Cù
8	Hảng Gàng Chá		1952	x		Mông	Phiêng Vang
III	Mường Khong	9					
1	Ly A Sênh		1956	x		Mông	Hua Sát
2	Ly A Di		1961	x		Mông	Huổi Nôm
3	Lường Văn Diên		1957	x		Thái	Phiêng Hìn
4	Lường văn Đán		1954	x		Thái	Phai Mướng
5	Lò Văn Bương		1942	x		Thái	Khong Nưa
6	Lường Văn Bang		1930	x		Thái	Phai Cộng
7	Lò Văn Khoán		1946	x		Thái	Khong Tở
8	Lường Văn Puồn		1947	x		Thái	Co Đưa
9	Lò Văn Cương		1964	x		Thái	Pom Khoang
IV	Nà Sáy	8					
1	Lò Văn Tươi		1964	x		Thái	Hồng Lực
2	Lò Văn Xiển		1970	x		Thái	Nậm Cá
3	Lò Văn Thuần		1986	x		Thái	Ta Láo
4	Lò Văn Hươi		1981	x		Thái	Co Hà
5	Lò văn Muôn		1956	x		Thái	Nà Sáy II
6	Lò Văn Xuân		1961	x		Thái	Nà Sáy III
7	Lò văn Nọi		1971	x		Thái	Huổi Sáy
8	Lò Văn Tươi		1964	x		Thái	Nà Sáy I

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
V	Chiềng Sinh	12					
1	Nguyễn Duy Nhật		1954	x		Kinh	Chiềng An
2	Lường Văn Tiêng		1932	x		Thái	Ta Con
3	Lường Văn Hoai		1977	x		Thái	Che Phai I
4	Lường Văn Khỏ		1945	x		Thái	Pa Sát
5	Quàng Văn Toàn		1955	x		Thái	Che Phai II
6	Lò Văn Nhân		1959	x		Thái	Che Phai III
7	Lò Văn Lả		1930	x		Thái	Bản Kép
8	Quàng Văn Inh		1947	x		Thái	Bản Bánh
9	Lường Văn Bang		1953	x		Thái	Ly Xôm
10	Lò Văn Chiềng		1956	x		Thái	Bản Dữn
11	Lò Văn Ế		1963	x		Thái	Bản Hiệu I
12	Lường Văn Minh		1967	x		Thái	Bản Hiệu II
VI	Chiềng Đông	13					
1	Lò Văn Bánh		1969	x		Thái	Bản Phang
2	Lò Văn Phanh		1945	x		Thái	Bản Cộng I
3	Tòng Văn Sương		1948	x		Thái	Bản Cộng II
4	Lò Văn Thông		1948	x		Thái	Pom Sinh
5	Lò Văn Sương		1924	x		Thái	Pú Biếng
6	Tòng Văn Ánh		1926	x		Thái	Vánh II
7	Lò Văn Sinh		1954	x		Thái	Vánh III
8	Cà Văn Uống		1961	x		Thái	Bình Minh
9	Lường Văn Phở		1967	x		Thái	Bản Bó
10	Cà Văn Sơn		1964	x		Thái	Bản Nôm
11	Lò Văn Sương		1953	x		Thái	Bản Chăn
12	Mùa Phái Tà		1964	x		Mông	Hua Nạ
13	Mùa Dúa Cho		1961	x		Mông	Hua Chăn
VII	Mùn Chung	11					
1	Lường Văn Vinh		1963	x		Khơ Mú	Ta Lếch
2	Điêu Văn Sơn		1956	x		Thái	Huổi Lóng
3	Lò Văn Sọ		1945	x		Khơ Mú	Bó Lếch
4	Cà Văn Dạ		1952	x		Thái	Phiêng Pên
5	Lò Thị Bang		1959		x	Thái	Co Kham
6	Mùa Gà Sùng		1966	x		Mông	Huổi Cáy
7	Lò Văn Pầu		1931	x		Thái	Co En
8	Lò Văn Sương		1932	x		Thái	Chiềng Ban

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
9	Mùa Phái Chứ		1962	x		Mông	Hủ Cang
10	Giàng A Thanh		1962	x		Mông	Co Săn
11	Hoàng Đình Pho		1940	x		kinh	Xóm Huổi Lóng
VIII	Nà Tông	7					
1	Lò Văn Huân		1960	x		Thái	Nậm Bay
2	Vì A Páo		1966	x		Mông	Co Phát
3	Quàng Văn Anh		1925	x		Thái	Pá Tong
4	Lò Văn Tường		1958	x		Thái	Nà Tông
5	Sùng A Thề		1965	x		Mông	Co Muông
6	Quàng Văn Tầm		1958	x		Thái	Nong Tóng
7	Lò Văn Phòng		1961	x		Thái	Pa Cá
IX	Quài Nưa	21					
1	Lò Văn Puồn		1956	x		Thái	Bản Củ I
2	Quàng Văn Túi		1952	x		Thái	Bản Củ II
3	Lò Văn Piêng		1949	x		Thái	Bản Cang
4	Lò Văn Nướng		1958	x		Thái	Bản Chá
5	Trần Văn Bình		1954	x		Kinh	Quang Vinh
6	Cà Văn Chuyển		1959	x		Thái	Bản Bó
7	Lò Văn Ngoai		1973	x		Thái	Nong Giáng
8	Lường Văn Hốc		1959	x		Thái	Lọng Lươ
9	Lường Văn Thịn		1969	x		Thái	Bản Cọ
10	Lường Văn Tún		1965	x		Thái	Bản Giáng
11	Lường Văn Lai		1964	x		Thái	Lọng Hồng
12	Lường Văn Thoạn		1966	x		Thái	Co Muông
13	Quàng Văn Thanh		1966	x		Thái	Lọng Trạng
14	Lò Thị Vân		1960		x	Thái	Co Sáng
15	Giàng A Nénh		1980	x		Mông	Mạ Khúa
16	Lường Văn Lương		1970	x		Thái	Mường Chăn
17	Lường Văn Kiếm		1963	x		Thái	Bản Chăn
18	Lường Văn Phiếu		1983	x		Kháng	Nong Liếng
19	Lường Văn Hía		1964	x		Thái	Bản Ten
20	Lường Văn Định		1964	x		Thái	Bản Thảm
21	Phạm Văn Như		1957	x		Kinh	Mình Thắng
X	Mường Mùn	18					
1	Lò Văn Hơ		1949	x		Thái	Mường 1
2	Cà Văn Kính		1956	x		Thái	Mường 2

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
3	Lành Thị Hạnh		1972		x	Thái	Mường 3
4	Quàng Văn Ngẫu		1943	x		Thái	Bản Lúm
5	Quàng Thị Thiều		1967		x	Thái	Bản Hốc
6	Quàng Văn Khay		1948	x		Thái	Bản Hỏm
7	Lò Văn Hom		1952	x		Thái	Xuân Tươi
8	Nùng Văn Diễn		1954	x		Thái	Nà Chua
9	Thào A Ly		1967	x		Mông	Huổi Cáy
10	Giàng A Cửa		1980	x		Mông	Gia Bọp
11	Giàng A Nhìa		1964	x		Mông	Huổi Khạ
12	Sùng Chái Sờ		1956	x		Mông	Pú Piễn
13	Lò Văn Quyền		1989	x		Khơ Mú	Co Nghịu
14	Lò Văn Khảm		1954	x		Khơ Mú	Huổi Lốt 1
15	Lò Văn Thoan		1958	x		Thái	Ta Pao
16	Lò Văn Lún		1954	x		Khơ Mú	Huổi Lốt 2
17	Quàng Thị Nết		1976		x	Thái	Mường 4
18	Nguyễn Thị Duyên		1942		x	Kinh	Hồng Phong
XI	Pú Xi	10					
1	Giàng Văn Bun		1962	x		Khơ Mú	Hát Khoang
2	Vừ A Dia		1968	x		Mông	Hát Láu
3	Vàng A Cầu		1968	x		Mông	Hua Múc 1
4	Sùng A Páo		1967	x		Mông	Hua Múc 2
5	Lù Văn So		1970	x		Khơ Mú	Hua Múc 3
6	Vừ A Ká		1972	x		Mông	Thảm Mú
7	Cháng A Dua		1975	x		Mông	Thảm Táng
8	Giàng A Vòng		1987	x		Mông	Pú Xi 1
9	Sùng A Sờ		1970	x		Mông	Pú Xi 2
10	Thào A Chứ		1964	x		Mông	Hua Mùn
XII	Tênh Phong	5					
1	Ly Gà Di		1955	x		Mông	Huổi Anh
2	Mùa Sưa Thào		1974	x		Mông	Ten Hon
3	Vàng Phái Páo		1973	x		Mông	Xá Tự
4	Lầu A Di		1984	x		Mông	Há Dừa
5	Mùa Dững Lầu		1962	x		Mông	Thảm Nậm
XIII	Quài Tở	27					
1	Cà Văn Tuấn		1980	x		Thái	Bản Sắn
2	Cà Văn Thiện		1982	x		Thái	Bản Bạng

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
3	Cà Văn Thi		1973	x		Thái	Bản Biếng
4	Cà Văn Sươi		1965	x		Thái	Bản Bông
5	Cà Văn Sạng		1954	x		Thái	Bản Ban
6	Cà Văn Tiên		1977	x		Thái	Bản Cháng
7	Cà Văn Huôm		1952	x		Thái	Pom Ban
8	Lò Văn Đại		1960	x		Thái	Bản Ta
9	Lò Văn Phan		1943	x		Thái	Bản Xôm
10	Lò Văn Tại		1963	x		Thái	Bản Lé
11	Lò Văn Hặc		1962	x		Thái	Bản Đứa
12	Quàng Văn Thường		1959	x		Thái	Bản Én
13	Quàng Văn Khính		1965	x		Thái	Bản Pậu
14	Lò Văn Tiêng		1955	x		Thái	Nà Hốc
15	Lò Văn Kinh		1982	x		Thái	Bản Món
16	Lò Văn Toàn		1979	x		Thái	Hới Nọ 1
17	Tòng Văn Long		1957	x		Thái	Hới Nọ 2
18	Tòng Văn Chính		1961	x		Thái	Hới Trong
19	Lường Văn Xuân		1958	x		Thái	Bản Lói
20	Quàng Văn Tương		1954	x		Thái	Ngựa Ngoài
21	Quàng Văn Hoan		1970	x		Thái	Ngựa Trong
22	Lò Văn Cu		1960	x		Thái	Bản Lạ
23	Lường Văn Đoàn		1966	x		Thái	Co Hón
24	Tòng Văn Kinh		1952	x		Thái	Bản Có
25	Lò Văn Tiến		1968	x		Khơ Mú	Hua Ca
26	Vàng Giồng Lầu		1958	x		Mông	Thảm Pao
27	Lò Văn Phó		1955	x		Thái	Tân lập
XIV	Phình Sáng	10					
1	Thào Chù Sử		1946	x		Mông	Háng Chua
2	Sùng Dững Vư		1941	x		Mông	Phảng Củ
3	Giàng Chồng Blà		1972	x		Mông	Phiêng Hoa
4	Sùng Súa Lầu		1956	x		Mông	Khua Chá
5	Thào A Ký		1976	x		Mông	Mý Làng A
6	Giàng Sáu Chu		1954	x		Mông	Nậm Dìn
7	Giàng Nủ Đơ		1956	x		Mông	Phiêng Cải
8	Sùng Sênh Nénh		1960	x		Mông	Phình Sáng
9	Giàng Sáu Thênh		1946	x		Mông	Háng Khúa
10	Hờ Chà Thénh		1966	x		Mông	Mý Làng B

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
XV	Rạng Đông	7					
1	Giàng Nhia Chá		1938	x		Mông	Bon B
2	Cà Văn Cót		1960	x		Kháng	Bon A
3	Sùng Vàng Páo		1966	x		Mông	Háng Á
4	Quảng Văn Báo		1950	x		Kháng	Nong Luông
5	Cà Văn Bun		1960	x		Kháng	Nậm Mu
6	Cà Văn Sơn		1980	x		Kháng	Bản Món
7	Sùng A Hờ		1980	x		Mông	Xá Nhè
XVI	Mường Thín	11					
1	Lò văn Thành		1958	x		Thái	Bản Hốc
2	Lò Văn Phúc		1956	x		Thái	Bản Chừn
3	Lò Văn Thân		1969	x		Thái	Thín A
4	Lò Văn Lương		1941	x		Thái	Thín B
5	Lò Văn Túng		1966	x		Thái	Khai Hoang
6	Lò Văn Sương		1939	x		Thái	Bản Muông
7	Quảng Văn Sươi		1964	x		Thái	Bản Yên
8	Mùa Khua Chay		1962	x		Mông	Đông Cao
9	Cà Văn Nội		1937	x		Thái	Đông Thấp
10	Giàng A Dế		1937	x		Mông	Thăm Xá
11	Giàng A Lả		1933	x		Mông	Bản Liếng
XVII	Quài Cang	24					
1	Quảng Thị Áng		1958		x	Thái	Bản Cong
2	Lò Văn Chung		1960	x		Thái	Bản Cuông
3	Lò Văn Tươi		1961	x		Thái	Bản Phủ
4	Lò Văn Chức		1945	x		Thái	Bản Mu
5	Lường Văn Pánh		1937	x		Thái	Bản Kệt
6	Lò Văn Côn		1944	x		Thái	Bản Hìn
7	Lò Văn Chung		1958	x		Thái	Sái Ngoài
8	Lò Văn Yên		1932	x		Thái	Bản Cườm
9	Quảng Văn Tiến		1964	x		Thái	Bản Cá
10	Tòng Văn Chính		1945	x		Thái	Bản Phung
11	Lường Văn Thiện		1969	x		Thái	Bản Khá
12	Lò Văn Diên		1964	x		Thái	Bản Sáng
13	Lò Văn Hiệp		1962	x		Thái	Bản Cán
14	Lò Văn Trường		1965	x		Thái	Bản Côm

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
15	Lò Văn Mây		1969	x		Thái	Bản Nát
16	Lường Văn Lả		1950	x		Thái	Bản Chạng
17	Lò Văn Hoàn		1974	x		Thái	Bản Sào
18	Lò Văn Doan		1954	x		Thái	Bản Cón
19	Lường Văn Huân		1952	x		Thái	Bản Hán
20	Lò Văn Xiên		1958	x		Thái	Sái Trong
21	Tòng Văn Thợi		1965	x		Thái	Bản Cẩm
22	Quảng Văn Thiện		1952	x		Thái	Bản Giảng
23	Lò Văn Muôn		1960	x		Thái	Bản Cản
24	Quảng Văn Ớn		1951	x		Thái	Đoàn kết
XVII							
I	Tỏa Tình	7					
1	Vàng Sưa Thào		1954	x		Mông	Sông Ia
2	Lầu Chứ Sớ		1973	x		Mông	Hua Sa B
3	Thào Gà Tú		1956	x		Mông	Háng Tàu
4	Giàng Gà Tú		1970	x		Mông	Hua Sa A
5	Mùa Giả Dia		1952	x		Mông	Chê Á
6	Vừ Chờ Nénh		1975	x		Mông	Tỏa Tình
7	Mùa Giồng Vàng		1970	x		Mông	Bản Lồng
XIX	Thị Trấn Tuần Giáo	9					
1	Bạc Cầm Toàn		1966	x		Thái	Bản Đông
2	Bạc Cầm Bích		1960	x		Thái	Chiềng An
3	Bạc Cầm Văn		1976	x		Thái	Chiềng Chung
4	Lường Văn Lai		1972	x		Thái	Chiềng Khoang
5	Lò Văn Việt		1957	x		Thái	Bản Tầu
6	Bạc Cầm Thản		1951	x		Thái	Bản Lập
7	Lò Văn Tươi		1957	x		Thái	Huổi Hạ
8	Hà Thị Sỏi		1942		x	Thái	Khổi Huổi Củ
9	Lò Văn Chính		1960	x		Thái	Bản Nong
I	H. Điện Biên	347					
I	Xã Thanh Nưa	15					
1	Lò Thị Phiêng		1952		x	Thái	Đội 11 - Bản Hua Ná
2	Vì Thị Thông		1951		x	Thái	Đội 12 - Bản Mền
3	Lò Văn Nội		1957	x		Thái	Đội 13 - Bản Mền
4	Cà Văn Muôn		1938	x		Thái	Đội 14 - Pom Khoang

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
5	Cà Văn Nhói		1956	x		Thái	Đội 15 - Nà Lồm 1
6	Quàng Văn Hương		1952	x		Thái	Đội 16 - Nà Lồm 2
7	Cà Văn Mắng		1959	x		Thái	Đội 17a - Bản Co Ké
8	Lò Văn Lả		1960	x		Thái	Đội 17b - Bản Giảng
9	Lò Văn Thích		1954	x		Thái	Đội 20 - Bản Hạ
10	Lò Văn Cột		1952	x		Thái	Đội 21 - Bản On
11	Lò Văn Tân		1961	x		Thái	Đội 22 - Phiêng Ban
12	Lò Văn Hặc		1933	x		Thái	Đội 23 - Tông Khao
13	Lường Văn Nhói		1946	x		Thái	Đội 24 - Bản Co Pao
14	Vì Văn Lún		1963	x		Thái	Đội 25 - Hồng Lệnh
15	Lò Văn Phớ		1936	x		Thái	Đội 27 - Bản Co Róm
II	Xã Sam Mứn	16					
1	Lường Thị Biên		1960		x	Thái	Bản Lọng Bon
2	Lò Văn Pánh		1942			Thái	Bản Ban
3	Tòng Văn Dọn		1954	x		Thái	Bản Lọng Dồm
4	Lường Thị inh		1957		x	Thái	Bản Lọng Quân
5	Cà Văn Hương		1963	x		Thái	Bản Sam Mứn
6	Lò Văn Lả		1929	x		Thái	Bản Hồng Sặt
7	Quàng Văn Tính		1964	x		Thái	Bản Cang I
8	Lò Văn Lắng		1932	x		Thái	Bản Cang II
9	Lò Văn Phanh		1959	x		Thái	Bản Đon Đưa
10	Lò Văn Khựt		1929	x		Thái	Bản Chiềng Xôm
11	Quàng Văn Anh		1944	x		Thái	Bản Yên
12	Tòng Văn Inh		1935	x		Thái	Bản Na Lao
13	Vì Văn Lâm		1959	x		Thái	Bản Yên Cang I
14	Lò Văn Hạnh		1958	x		Thái	Bản Yên Cang II
15	Tòng Thị Biên		1968		x	Thái	Bản Yên Bình
16	Lò Thị Khó		1956	x		Thái	Bản Co Mỹ
III	Xã Thanh Xương	14					
1	Lò Văn Hặc		1940	x		Thái	Đội 11
2	Lò Văn Pâng		1956	x		Thái	Đội 1
3	Quàng Văn Khún		1964	x		Khơ Mú	Đội 14
4	Lò Văn Hải		1964	x		Thái	Đội 12
5	Lò Văn Tỉnh		1955	x		Thái	Đội 5
6	Vì Văn Ánh		1953	x		Thái	Đội 3
7	Tòng Văn lẻ		1945	x		Thái	Đội 4a

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
8	Lò Văn Bình		1957	x		Thái	Đội 17
9	Cà Thị Phan		1949		x	Thái	Đội 4b
10	Lò Văn Muôn		1943	x		Thái	Đội 16
11	Lò Văn Pâng		1956	x		Thái	Đội 6
12	Lò Văn Lọ		1950	x		Thái	Đội 2
13	Lò Văn Biêng		1929	x		Thái	Đội 15 - Nhà Lồm 1
14	Quàng Văn Yên		1975	x		Khơ Mú	Đội 13
IV	Xã Noong Luống	14					
1	Lò Văn Tiên		1965	x		Thái	Đội 1a
2	Lò Văn Tỉnh		1960	x		Thái	Đội 1b
3	Quàng Văn Sam		1957	x		Thái	Đội 2
4	Lò Văn Giộn		1957	x		Thái	Đội 7
5	Quàng Văn Hưởng		1952	x		Thái	Đội 8
6	Cà Văn Lún		1955	x		Thái	Đội 9b
7	Lường Văn Đồi		1959	x		Thái	Đội 10
8	Vì Văn Địa		1941	x		Thái	Đội 11
9	Quàng Văn Lả		1947	x		Thái	Đội 13
10	Tòng Văn Xương		1962	x		Thái	Đội 15
11	Lò Long Ly		1948	x		Thái	Đội 16
12	Lò Văn Cừ		1958	x		Thái	Đội 17
13	Tòng Văn Muôn		1958	x		Thái	Đội 21
14	Lò Văn Sương		1945	x		Thái	Đội 9a
V	Xã Hua Thanh	9					
1	Lầu Sĩa chỏ		1965	x		Mông	Đội 1 - Nậm Ty
2	Vừ Phái Chía		1957	x		Mông	Đội 3 - Pa Sáng
3	Thào Tất Tòng		1974	x		Mông	Đội 4 - Xá Nhù
4	Lò Văn Ánh		1959	x		Thái	Đội 5 - Bản Tàu
5	Quàng Văn Pâng		1947	x		Thái	Đội 6 - Bản Tàu
6	Quàng Văn Biên		1972	x		Thái	Đội 7 - Bản Tàu
7	Quàng Văn Nhí		1960	x		Khơ Mú	Đội 8 - Co Pục
8	Lò Văn Mắng		1939	x		Thái	Đội 9 - Nhà Ten
9	Lò Văn Tắm		1953	x		Thái	Đội 10 - Nhà Hý
VI	Xã Thanh An	18					
1	Lò Văn Ổn		1942	x		Thái	Bản Chiềng An
2	Lường Văn Dọc		1954	x		Thái	Bản Huổi Cánh
3	Quàng Văn Nhói		1956	x		Thái	Bản Hồng Khoang 1

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
4	Lò Văn Muôn		1958	x		Thái	Bản Co Chai
5	Cà Văn Hậu		1947	x		Thái	Bản Ten Luống 2
6	Tòng Văn Pâng		1927	x		Thái	Bản Phiêng Ban
7	Quàng Văn Yên		1958	x		Thái	Bản Sáng 1
8	Quàng Văn Lay		1948	x		Thái	Bản Sáng 2
9	Quàng Văn Bun		1948	x		Khơ Mú	Bản Huổi Púng
10	Lò Văn Phương		1959	x		Thái	Bản Chiềng Chung
11	Lò Văn Dọn		1960	x		Thái	Bản Hồng Hịa
12	Lò Văn Yêu		1945	x		Thái	Bản Xôm
13	Lò Văn Nhênh		1940	x		Thái	Bản Noong Ứng 1
14	Lường Văn Hịa		1952	x		Thái	Bản Mới
15	Cà Văn Lả		1960	x		Thái	Bản Noong Ứng 2
16	Lường Văn Piêng		1941	x		Thái	Bản Cha
17	Cà Văn Uẩn		1960	x		Thái	Bản Ten Luống 1
18	Cà Văn Xương		1954	x		Thái	Bản Hồng Khoang 2
VII	Xã Pá Khoang	21		x			
1	Lường Văn Sơn		1963	x		Thái	Bản Sáng
2	Lường Văn Láo		1950	x		Thái	Bản Xôm 3
3	Quàng Văn Xịch		1945	x		Thái	Bản Bó
4	Lường Văn Lả		1956	x		Khơ Mú	Bản Vang 2
5	Lường Văn Dinh		1956	x		Thái	Bản Hả 1
6	Cà Văn Minh		1959	x		Thái	Bản Xôm 1
7	Lường Văn Hương		1960	x		Thái	Bản Nghiu 1
8	Lò Văn Hặc		1968	x		Thái	Bản Nghiu 2
9	Lò Văn Sơn		1956	x		Thái	Bản Co Thón
10	Quàng Văn Thái		1980	x		Khơ Mú	Bản Co Muông
11	Lò Văn Dên		1969	x		Khơ Mú	Bản Co Cựm
12	Lò Văn Ủi		1944	x		Thái	Bản Đông Mệt 1
13	Lò Văn Giót		1954	x		Thái	Bản Đông Mệt 2
14	Lường Văn Ngương		1931	x		Thái	Bản Xôm 2
15	Quàng Thị Đan		1947		x	Thái	Bản Hả 2
16	Quàng Văn Sọ		1957	x		Khơ Mú	Bản Vang 1
17	Bạc Cầm Inh		1962	x		Thái	Bản Pá Trá
18	Quàng Văn Ca		1963	x		Khơ Mú	Bản Pú Sung
19	Quàng Văn Hậu		1961	x		Khơ Mú	Bản Tên
20	Lò Văn Tương		1978	x		Khơ Mú	Bản Công

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
21	Quàng Văn Dưn		1972	x		Khơ Mú	Bản Kéo
VIII	Xã Mường Pồn	11					
1	Lù Văn Tỷ		1949	x		Thái	Bản Co Chạy 1
2	Lò Văn Khặt		1950	x		Thái	Bản Co Chạy 2
3	Lò Văn Inh		1942	x		Thái	Bản Mường Pồn 2
4	Lường Văn Lọ		1943	x		Thái	Bản Mường Pồn 1
5	Lò Văn Lả		1952	x		Thái	Bản Lĩnh
6	Lò Văn Thái		1952	x		Khơ Mú	Bản Tin Tộc
7	Cà Văn Chơ		1956	x		Thái	Bản Huổi Chan 1
8	Vàng Nỏ Páo		1954	x		Mông	Bản Huổi Chan 2
9	Chá A Co		1972	x		Mông	Bản Huổi Un
10	Hờ Khua Sáng		1934	x		Mông	Bản Pá Chả
11	Sùng Sênh Và		1952	x		Mông	Bản Đình Đèo
IX	Xã Pom Lót	9					
1	Cà Thị Bun		1951		x	Thái	Bản Pom Lót
2	Lò Văn Tân		1954	x		Thái	Bản Na Vai
3	Quàng Văn Anh		1960	x		Thái	Bản Na Ten
4	Lường Văn Thính		1970	x		Thái	Bản Pá Nậm
5	Quàng Văn Ế		1929	x		Thái	Bản Na Có
6	Vì Văn Thường		1963	x		Thái	Bản Na Thìn
7	Nông Văn Phạn		1945	x		Tày	Bản Na Hai I
8	Lường Văn Cút		1939	x		Thái	Bản Na Hai II
9	Lò Văn Hình		1966	x		Thái	Bản Thanh Xuân
X	Xã Thanh Luông	21					
1	Lò Văn Tiến		1956	x		Thái	Đội 4
2	Cà Văn Nhật		1943	x		Thái	Đội 6a
3	Tòng Văn Sơn		1959	x		Thái	Đội 6b
4	Lò Thị Thanh		1972		x	Thái	Đội 7
5	Lò Văn Hặc		1920	x		Thái	Đội 8 a
6	Lò Văn Bun		1923	x		Thái	Đội 8b
7	Lò Văn Nam		1978	x		Thái	Đội 8c
8	Cà Văn Muôn		1974	x		Thái	Đội 8d
9	Lò Văn Giót		1955	x		Thái	Đội 9a
10	Lò Văn Phương		1963	x		Thái	Đội 9b
11	Tòng Văn Hặc		1938	x		Thái	Đội 10a
12	Quàng Văn Yên		1945	x		Thái	Đội 10b

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
13	Lò Văn Bình		1954	x		Thái	Đội 11
14	Lò Văn Giộn		1938	x		Thái	Đội 12a
15	Lò Văn Ôn		1951	x		Thái	Đội 12b
16	Lường Văn Giót		1946	x		Thái	Đội 12c
17	Tòng Văn Sương		1940	x		Thái	Đội 14
18	Vì Văn Minh		1966	x		Thái	Đội 15a
19	Lò Văn Hoa		1956	x		Thái	Đội 15b
20	Bế Văn Yết		1963	x		Thái	Đội C1A
21	Lường Văn Dinh		1952	x		Khơ Mú	Đội Hua Pe
XI	Xã Thanh Chấn	10					
1	Lường Văn Ku		1956	x		Thái	Đội 1
2	Tòng Văn Ôn		1959	x		Thái	Đội 2
3	Hoàng Văn Lanh		1950	x		Tày	Đội 3
4	Lò Văn Inh		1921	x		Thái	Đội 6
5	Lò Quang Vinh		1954	x		Thái	Đội 9
6	Cà Văn Ứng		1939	x		Thái	Đội 12
7	Quàng Văn Đồi		1943	x		Thái	Đội 14
8	Quàng Văn Tuấn		1952	x		Thái	Đội 18a
9	Lường Văn Bình		1956	x		Thái	Đội 18b
10	Lường Văn Long		1949	x		Nùng	Đội 17
XII	Xã Noong Hệt	12					
1	Vì Văn Khẩu		1945	x		Thái	Đội 1
2	Quàng Văn Dọn		1934	x		Thái	Đội 2
3	Lò Văn Chung		1954	x		Thái	Đội 3
4	Lò Văn Oí		1940	x		Thái	Đội 6
5	Lò Văn Lún		1932	x		Thái	Đội 7a
6	Cà Văn Lả		1944	x		Thái	Đội 7b
7	Quàng Văn Lọ		1948	x		Thái	Đội 14
8	Lò Văn Lả		1948	x		Thái	Đội 15
9	Là Văn Tương		1944	x		Thái	Đội 17
10	Lò Văn Pùm		1928	x		Thái	Đội 18
11	Tòng Văn Cu		1958	x		Thái	Đội 21a
12	Lò Văn Lan		1968	x		Thái	Đội 21b
XIII	Xã Na Tông	14					
1	Thào Chử Mua		1965	x		Mông	Bản Gia Phú B
2	Sùng Thị Tria		1974		x	Mông	Bản Gia Phú B

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
3	Vừ Phá Sênh		1954	x		Mông	Bản Sơn tổng
4	Vàng Khua Ly		1970	x		Mông	bản Huổi Chanh
5	Quàng Văn Xiên		1972	x		Thái	Bản Na Ố
6	Tòng Văn Xoai		1982	x		Thái	Bản Tân Quang
7	Lường Văn Bun		1955	x		Khơ Mú	Bản Na Hưom
8	Lò Văn Ế		1934	x		Lào	Bản Na Tông I
9	Đèo Văn Bốn		1942	x		Thái	Bản Na Tông II
10	Quàng Văn Inh		1935	x		Thái	Bản Pa Kín II
11	Vì Văn Lả		1940	x		Thái	Bản Pa Kín I
12	Lò Văn Thỉnh		1986	x		Thái	Bản Hát Tao
13	Vì Văn Xiên		1960	x		Thái	Bản NA Săn
14	Mùa Chồng Vừ		1967	x		Mông	Bản Hin Phon
XIV	Xã Nà Tấu	30					
1	Lò Văn Inh		1940	x		Thái	Bản Khua Pén
2	Lò Văn Tiến		1965	x		Thái	Bản Cang 2
3	Lò Văn Ứn		1956	x		Thái	Bản Nà Láo
4	Tòng Văn Tun		1951	x		Thái	Bản Co Đũa
5	Lò Văn Nghiên		1946	x		Thái	Bản Hồng Lúu 2
6	Lò Văn Puôn		1922	x		Thái	Bản Hồng Lúu 1
7	Lò Văn Inh		1962	x		Thái	Bản Xôm 2
8	Lò Văn Phát		1958	x		Thái	Bản Co Sáng
9	Lường Văn Phớ		1960	x		Thái	Bản Nà Cái 1
10	Lò Văn Bương		1947	x		Thái	Bản Nà Cái 2
11	Lò Văn Bình		1944	x		Thái	Bản Tà Cáng 1
12	Vàng A Thái		1970	x		Mông	Bản Hua Rôm 1
13	Lò Văn Sương		1946	x		Thái	Bản Nà Luống 2
14	Lò Văn Sơn		1975	x		Thái	Bản Lán Yên
15	Lường Văn Khoán		1947	x		Thái	Bản Cang 1
16	Lò Văn Mưư		1949	x		Thái	Bản Nà Luống 3
17	Lường Văn Páng		1930	x		Thái	Bản Nà Luống 1
18	Lò Văn Minh		1966	x		Thái	Bản Nà Tấu 4
19	Lò Văn Nội		1947	x		Thái	Bản Phiêng Ban
20	Lò Văn Lả		1963	x		Thái	Bản Ta Cáng 3
21	Lò Văn Tin		1962	x		Thái	Bản Tà Cáng 2
22	Quàng Văn Tiệp		1969	x		Thái	Bản Nà Tấu 6
23	Vàng A Dưa		1960	x		Thái	Bản Hua Rôm 2

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
24	Lìu Ní Khuần		1961	x		Hoa	Bản Hoa
25	Lò Văn Khựt		1958	x		Thái	Bản Nà Tấu 5
26	Lường Văn sáng		1942	x		Thái	Bản Hua Luống
27	Lò Văn Ấn		1942	x		Thái	Bản Nà Tấu 3
28	Cà Văn Muôn		1941	x		Thái	Bản Xôm 1
29	Quàng Văn Đồi		1943	x		Thái	Bản Nà Tấu 2
30	Quàng Văn Pâng		1940	x		Thái	Bản Nà Tấu 1
XV	Xã Mường Lói	9					
1	Lò Văn On		1962	x		Khơ Mú	BảnHuổi Không
2	Lường Văn Nhi		1960	x		Khơ Mú	Bản Co Đưa
3	Lường Văn Sang		1960	x		Khơ Mú	BảnNa Cọ
4	Lò Văn Tân		1978	x		Khơ Mú	BảnTin Tộc
5	Thào A So		1956	x		Mông	Bản Noong É
6	Lò Văn Păn		1963	x		Khơ Mú	Bản Huổi Chon
7	Cút Văn Khun		1961	x		Khơ Mú	Bản Na Chén
8	Lò Văn phôn		1968	x		Lào	Bản Lói 1
9	Lò Văn Phôm		1979	x		Lào	Bản Lói 2
XVI	Xã Mường Phăng	26					
1	Lò Văn Phin		1962	x		Thái	Bản Tân Bình
2	Cà Văn Sươi		1960	x		Thái	Bản Bánh
3	Lò Văn Bun		1962	x		Thái	Bản Che Cắn
4	Vàng A Di		1932	x		Mông	Bản Lọng Nghịu
5	Lường Văn Bánh		1948	x		Thái	Bản Phăng 1
6	Cầm Văn Xiển		1970	x		Thái	Bản Khẩu Cầm
7	Lò Văn Phung		1937	x		Thái	Bản Co Lúu
8	Lù Văn Chứa		1959	x		Thái	Bản Cang 3
9	Lường Văn Sương		1958	x		Thái	Bản Phăng 2
10	Lường Văn Muôn		1936	x		Thái	Bản Yên 2
11	Lường Văn Định		1969	x		Thái	Bản Cang 2
12	Lường Văn So		1950	x		Thái	Bản Bua
13	Lò Văn Khún		1927	x		Thái	Bản Yên 1
14	Cầm Văn Hối		1945	x		Thái	Bản Co Mận 1
15	Cà Văn Phúc		1936	x		Thái	Bản Co Luống
16	Quàng Văn Lún		1942	x		Thái	Bản Khá
17	Quàng Văn Toán		1968	x		Thái	Bản Cang 1
18	Lò Văn Chực		1972	x		Thái	Bản Co Mận 2

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
19	Lường Văn Giót		1950	x		Thái	Bản Yên 3
20	Lò Văn Tiên		1967	x		Thái	Bản Co Khô
21	Cứ A chu		1960	x		Mông	Bản Lọng Hầy
22	Mùa a Vừ			x		Mông	Bản Lọng Luống 1
23	Lường Văn Khôi		1968	x		Thái	Bản Phăng 3
24	Lò Xuân Bảo		1954	x		Thái	Trung Tâm
25	Giàng A Chu		1960	x		Mông	Bản Lọng Luống 2
26	Tòng Văn Ngoan		1960	x		Thái	Bản Cang 4
XVII	Xã Pa Thơm	7					
1	Lường Văn Thương		1954	x		Khơ Mú	Bản Xa Cuông
2	Quàng Văn É		1947	x		Khơ Mú	Bản Pa Xa Xá
3	Lò Văn Liên		1950	x		Lào	Bản Pa Xa Lào
4	Lò Văn May		1947	x		Lào	Bản Pa Thơm
5	Quàng Văn Hom		1963	x		Cống	Bản Huổi Moi
6	Nạ Văn Phan		1956	x		Cống	Bản Si Văn
7	Quàng Văn Nó		1960	x		Cống	Bản Púng Bon
XVIII	Xã Mường Nhà	14					
1	Vàng A Pó		1964	x		Mông	Bản Phu Lay
2	Thào A Ninh		1959	x		Mông	Bản Pu Lau
3	Hạ Vả Cửa		1977	x		Mông	Bản Pha Thanh
4	Cú Nhía Chá		1960	x		Mông	Bản Phì Cao
5	Sùng Nhía Chừ		1965	x		Mông	Bản Hồi Hương
6	Tòng Văn Pộm		1966	x		Thái	Bản Khon Kén
7	Lò Văn Ngôn		1944	x		Thái	Bản Xôm
8	Lò Văn Pha		1944	x		Lào	Bản Na Hòm
9	Lò Văn Ánh		1940	x		Lào	Bản Na Khoang
10	Tòng Văn Thích		1961	x		Thái	Bản Phiêng Sáng
11	Lường Văn Soạn		1939	x		Thái	Bản Na Phay
12	Tòng Văn Phong		1972	x		Thái	Bản Pa Có
13	Lò Văn Lún		1945	x		Lào	Bản Trung Tâm
14	Tòng Văn Dinh		1961	x		Thái	Bản Ban
XIX	Xã Núa Ngam	8					
1	Lò Văn Sung		1924	x		Lào	Bản Na Sang 2
2	Lò Văn Lãnh		1941	x		Lào	Bản Na Sang 1
3	Tòng Văn Bun		1963	x		Thái	Bản Pá Bông
4	Lò Văn Ngân		1943	x		Khơ Mú	Bản Pá Ngam 2

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
5	Lò Văn Lang		1947	x		Khơ Mú	Bản Pá Ngam 1
6	Lò Văn Thường		1957	x		Thái	Bản Ten Núa
7	Mùa A Đông		1930	x		Mông	Bản Huổi Hua
8	Giàng Sái Tính		1969	x		Mông	Bản Tin Lán
XX	Xã Nà Nhạn	23		x			
1	Lường Văn Ọi		1957	x		Thái	Bản Nà Ngám 1
2	Lù Văn Nội		1970	x		Thái	Bản Nà Ngám 2
3	Quàng Thị La		1964		x	Thái	Bản Nà Ngám 3
4	Lường Văn Hính		1974	x		Thái	Bản Nà Ngám 4
5	Lò Văn Diện		1974	x		Thái	Bản Huổi Học
6	Sùng A Chai		1983	x		Mông	Bản Pá Khôm 1
7	Lường Văn Tại		1987	x		Thái	Bản Pá Khôm 2
8	Quàng Văn Phúc		1955	x		Thái	Bản Huổi Hẹ 1
9	Quàng Văn Đoan		1966	x		Thái	Bản Huổi Hẹ 2
10	Quàng Văn Pó		1951	x		Thái	Bản Nà Nội 1
11	Quàng Văn Thơm		1969	x		Thái	Bản Nà Nội 2
12	Lường Văn Xiên		1967	x		Thái	Bản Tàu Pung 1
13	Lò Văn Pán		1954	x		Thái	Bản Tàu Pung 2
14	Lò Văn Hặc		1940	x		Thái	Bản Nà Nhạn 1
15	Lường Văn Chung		1944	x		Thái	Bản Nà Nhạn 2
16	Tòng Văn Dọn		1944	x		Thái	Bản Nà Nhạn 3
17	Vì Văn tộ		1942	x		Thái	Bản Nà Đốc
18	Mùa A Chính		1962	x		Mông	Bản Nà Pen 1
19	Mùa A Dính		1963	x		Mông	Bản Nà Pen 2
20	Vàng Chái Nô		1961	x		Mông	Bản Nà Pen 3
21	Vàng Bua Di		1958	x		Mông	Bản Nà Pen 4
22	Lý A Giàng		1977	x		Mông	Bản Huổi Chồn
23	Giàng Phá Si		1971	x		Mông	Bản Nậm Khẩu Hú
XXI	Xã Thanh Yên	12					
1	Lò Văn Pán		1950	x		Thái	Đội 1a
2	Lò Văn Khẹt		1960	x		Thái	Đội 1b
3	Lò Văn Khoán		1940	x		Thái	Đội 3
4	Lò Văn Đồi		1930	x		Thái	Đội 5
5	Lò Văn Ánh		1956	x		Thái	Đội 8a
6	Nông Thanh Xuân		1930	x		Nùng	Đội 8b
7	Lò Văn Ngọc		1967	x		Thái	Đội 9

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
8	Nông Đức Lý		1932	x		Tày	Đội 10a
9	Vì Văn Pánh		1963	x		Thái	Đội 10b
10	Lò Văn É		1959	x		Thái	Đội 11
11	Lường Văn Pánh		1950	x		Thái	Đội 13
12	Lường Văn Hình		1960	x		Thái	Đội 14
XXII	Xã Hẹ Muông	10					
1	Lò Văn Muôn		1962	x		Thái	Bản Nậm hẹ 2
2	Lường Văn Nó		1948	x		Thái	Bản Nậm Hẹ 1
3	Lò Văn San		1924	x		Thái	Bản Pá Hẹ
4	Quàng Văn Sương		1966	x		Khơ Mú	Bản Công Bình
5	Lò Văn Hiêng		1956	x		Thái	Bản Ta Lét 1
6	Lường Văn Chiêng		1964	x		Thái	Bản Ta Lét 2
7	Lò Văn Nam		1975	x		Khơ Mú	Bản Lọng
8	Quàng Văn Khoán		1943	x		Thái	Bản Na Dôn
9	Bạc Cầm Hồng		1963	x		Thái	Bản Sái Lương
10	Vàng Chừ Mây		1975	x		Mông	Bản Na Côm
XXIII	Xã Na U'	6					
1	Và Súa Dơ		1965	x		Mông	Bản Con Cang
2	Vừ Phá Ly		1956	x		Mông	Bản Ca Hâu
3	Sùng Nhìa Sênh		1940	x		Mông	Bản Hua Thanh
4	Ly Sếnh Vàng		1955	x		Mông	Bản Na U'
5	Và A Mua		1987	x		Mông	Bản Púng Bử
6	Ly Hứa Chá		1945	x		Mông	Bản Na Láy
XXIV	Xã Thanh Hưng	8					
1	Vì Văn Măng		1939	x		Thái	Bản Noong Pét
2	Lường Văn Pản		1939	x		Thái	Bản Mé
3	Lò Văn Xuân		1972	x		Thái	Bản Hồng Lệnh Nua
4	Lường Văn Lả		1932	x		Thái	Bản Hồng Lệnh Cuông
5	Lò Văn Pản		1958	x		Thái	Bản Đoàn Kết
6	Lò Thanh Dọn		1950	x		Thái	Bản Nà Khénh
7	Bạc Cầm Chứa		1950	x		Thái	Bản Pa Pe
8	Lò Văn Lún		1932	x		Thái	Bản Bó
XXV	Xã Phu Luông	10					
1	Lò Văn Sinh		1945	x		Lào	Bản Na Há 2
2	Lường Văn Phấn		1959	x		Lào	Bản Na Há 1
3	Quàng Văn Thoa		1982	x		Thái	Bản Xôm

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
4	Tòng Văn Khuẩn		1949	x		Thái	Bản Xẻ 2
5	Lò Văn Bốn		1955	x		Thái	Bản Xẻ 1
6	Lò Văn Nhi		1972	x		Khơ Mú	Bản Lọng Ngua
7	Giàng A Di		1959	x		Mông	Bản Mốc C5
8	Mòng Văn Khấn		1953	x		Khơ Mú	Bản Pá Chả
9	Lường Văn Nen		1944	x		Khơ Mú	Bản Kham Pòm
10	Lò Văn Nen		1941	x		Khơ Mú	Bản Huổi Cảnh
K	H. Điện Biên Đông	241					
I	Na Son	17					
1	Lò Văn An		1935	x		Thái	Sư Lư 1
2	Lò Văn Muôn		1942	x		Thái	Sư Lư 2
3	Lò Văn Dóm		1934	x		Thái	Sư Lư 3
4	Lò Văn Tẻ		1952	x		Thái	Sư Lư 4
5	Lò Văn Chiêng		1954	x		Thái	Sư Lư 5
6	Bạc Cầm Bình		1954	x		Thái	Bản Bó
7	Lò Văn Chiến		1954	x		Thái	Lọng Chuông A
8	Lường Văn Nội		1957	x		Thái	Lọng Chuông B
9	Lò Văn On		1935	x		Thái	Lọng Chuông C
10	Lò Văn Bình		1951	x		Thái	Na Phát A
11	Lường Văn Hặc		1955	x		Thái	Na Phát B
12	Lò Văn Inh		1950	x		Thái	Na Phát C
13	Lò Văn Thon		1959	x		Thái	Bảng Chuộc
14	Mùa Chừ Cửa		1949	x		Thái	Tì Ló
15	Chá Sổng Châu		1958	x		Mông	Trung Phu
16	Sùng Và Chổng		1962	x		Mông	Ho Cớ
17	Lò Văn Ánh		1957	x		Thái	Pá Chuông - Pá Dên
II	Xã Pú Hồng	17					
1	Mùa Sáng Khua		1960	x		Mông	Tin Tộc B
2	Lò Văn Sam		1963	x		Lào	Mường Ten
3	Giàng Bùa Sùng		1969	x		Mông	Tòng Sớ
4	Quàng Văn Mọn		1949	x		Thái	Chả C
5	Sùng Chừ Chá		1956	x		Mông	Ao Cá
6	Quàng Văn Muôn		1954	x		Thái	Tin Tộc A
7	Cút Văn Nhi		1956	x		Khơ Mú	Nậm Ma
8	Mùa Dứa Pó		1956	x		Mông	Nà Nénh C
9	Mùa Nọ Pó		1949	x		Mông	Nà Nénh B

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
10	Vàng Nọ Sự		1965	x		Mông	Pú Hồng A
11	Vàng Vả Giàng		1968	x		Mông	Pú Hồng B
12	Quàng Văn Ném		1951	x		Khơ Mú	Phiêng Muông B
13	Quàng Văn Bương		1952	x		Thái	Chả A
14	Quàng Văn Nó		1954	x		Thái	Chả B
15	Vừ Trù Tủa		1930	x		Mông	Nà Nénh A
16	Nạ Văn Hặc		1967	x		Khơ Mú	Phiêng Muông A
17	Vàng Khua Vừ		1950	x		Mông	Huổi Dên
III	Xã Nong U	13					
1	Hờ Pà Tủa		1966	x		Mông	Tà Té A
2	Hạ Tổng Dia		1968	x		Mông	Tà Té D
3	Lầu Sái Chu		1930	x		Mông	Tà Té B
4	Lầu Giồng Cáng		1969	x		Mông	Tà Té C
5	Cứ Chừ Tú		1954	x		Mông	Tìa Ló B
6	Lò Văn hoa		1974	x		Khơ Mú	Pá Ban
7	Vừ Nỏ Chừ		1958	x		Mông	Tìa Ló A
8	Phàng Nhìa Di		1970	x		Mông	Dư O A
9	Sùng Chồng Chừ		1964	x		Mông	Dư O B
10	Lò Văn Lanh		1963	x		Thái	Thanh Ngám
11	Lầu Bua Lồng		1960	x		Mông	Tìa Mùng A
12	Lầu Khua Sờ		1964	x		Mông	Tìa Mùng B
13	Lầu Tổng Chá		1974	x		Mông	Tìa Mùng C
IV	Xã Háng Lìa	10					
1	Vàng Súa Công		1959	x		Mông	Háng Lìa A
2	Vàng Xái Ly		1973	x		Mông	Háng Lìa B
3	Vàng Ghia Tú		1951	x		Mông	Huổi Tổng A
4	Vàng Phá Sênh		1970	x		Mông	Huổi Tổng B
5	Vàng Sáu Chừ		1950	x		Mông	Háng Tây
6	Chừ Sáy Tênh		1977	x		Mông	Huổi Va A
7	Giàng Sáy Dénh		1956	x		Mông	Huổi Va B
8	Vàng Mo Thảo		1966	x		Mông	Huổi Sông
9	Vàng Nềnh Ly		1955	x		Mông	Trống Đình
10	Giàng Sớ Nhìa		1970	x		Mông	Tìa Mùng
V	Xã Sa Dung	19					
1	Mùa Vả Tổng		1945	x		Mông	Thảm Mỹ A
2	Lầu Chừ Sớ		1945	x		Mông	Thảm Mỹ B

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
3	Lầu Giồng Giàng		1961	x		Mông	Tà Ghềnh
4	lầu Phá Di		1965	x		Mông	Xa Dung C
5	Lầu Chù Di		1955	x		Mông	Xa Dung A
6	Lầu Sính Súa		1955	x		Mông	Xa Dung B
7	Lầu Giả Nu		1947	x		Mông	Chúa Thò
8	Lầu Tồng Say		1955	x		Mông	Nà Sản A
9	Lầu Giồng Chá		1958	x		Mông	Nà Sản B
10	Giàng Súa Sinh		1947	x		Mông	Mường Tinh A
11	Vừ Giồng Pó		1950	x		Mông	Mường Tinh B
12	Thào Nhia Dế		1957	x		Mông	Huổi Hịa
13	Giàng Chồng Lầu		1946	x		Mông	Háng Tàu
14	Sùng Sính Súa		1964	x		Mông	Ca Tàu
15	Sùng Phỏng Dế		1967	x		Mông	Mường Tinh C
16	Sùng Chử Sớ		1946	x		Mông	Phà Sớ A
17	Vừ Gà Nénh		1971	x		Mông	Phà Sớ B
18	Lường Văn Chiến		1960	x		Thái	Chống B
19	Lò Văn Món		1961	x		Thái	Chống A
VI	Xã Pu Nhi	20					
1	Hạng Chờ Sứ		1967	x		Mông	Nậm Ngám C
2	Sùng Nhia Sa		1934	x		Mông	Háng Giồng
3	Hạng Nhia Cua		1949	x		Mông	Phù Lồng B
4	Hạng Khua Pó		1965	x		Mông	Phù Lồng A
5	Hạng Dạ Súa		1954	x		Mông	Phù Lồng C
6	Mùa Vả Ký		1949	x		Mông	Háng Trợ C
7	Lầu Vả Nhia		1965	x		Mông	Háng Trợ B
8	Ly Giồng Chia		1966	x		Mông	Háng Trợ A
9	Sùng Dứa Dế		1962	x		Mông	Pu Cai
10	Thào Vàng Ly		1957	x		Mông	Pu Nhi B
11	Sùng Nụ Pó		1955	x		Mông	Pu Nhi C
12	Hạng Vả Giàng		1969	x		Mông	Pu Nhi D
13	Hạng Sộng Pó		1954	x		Mông	Pu Nhi A
14	Lò Văn Giồng		1959	x		Thái	Nậm Ngám A
15	Lường Văn phần		1973	x		Thái	Phiêng Ngám
16	Lò Văn Hợp		1955	x		Thái	Huổi Tao A
17	Tòng Văn Ku		1950	x		Thái	Huổi Tao C
18	Tòng Văn Hặc		1957	x		Thái	Huổi Tao B

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
19	Giàng Súa Cớ		1954	x		Mông	Nậm Ngám B
20	Sùng Chừ Phái		1972	x		Mông	Nậm Bó
VII	Xã Chiềng Sơ	24					
1	Lò Thị Khốn		1955		x	Xinh Mun	Nà Ly
2	Lò văn Muôn		1937	x		Thái	Mẽ
3	Lường Văn Pản		1930	x		Thái	Cang A
4	Lường Văn Muôn		1955	x		Xinh Mun	Kéo
5	Cà văn Lọ		1962	x		Thái	Cang B
6	Lò Văn Xiên		1969	x		Thái	Phiêng Chai
7	Lường Văn Siu		1955	x		Xinh Mun	Hin Óng
8	Sùng Gà Nénh		1960	x		Mông	Thảm Châu
9	Lò Văn Hợp		1984	x		Xinh Mun	Huổi Hu A
10	Lầu Sấy Khua		1962	x		Mông	Háng Tàu
11	Vừ Giồng Nhìa		1979	x		Mông	Huổi Tầu
12	Lò Văn Đồi		1958	x		Xinh Mun	Co my
13	Lò Văn Ôn		1935	x		Thái	Co Muông
14	Lường Văn Hoàn		1975	x		Xinh Mun	Huổi Hu B
15	Lò Văn Tường		1974	x		Thái	Nậm Nậm B
16	Lò Văn Dân		1972	x		Thái	Nậm Nậm A
17	Cà Văn Thoan		1958	x		Thái	Nà muông
18	Giàng Sóng Ma		1970	x		Mông	Háng Pa
19	Lò Văn Liên		1959	x		Lào	Ten Luống
20	Lò Văn Sáng		1953	x		Thái	Pá Nậm A
21	Quàng Văn Biên		1979	x		Thái	Pá Nậm B
22	Lò Văn Dạ		1942	x		Xinh Mun	Pá Hịa A
23	Lò Thị Sâm		1962		x	Xinh Mun	Kéo Đưa
24	Lường Văn Sam		1966	x		Xinh Mun	Pá Hịa B
VIII	Xã Luân Giới	19					
1	Lò Văn Ngoan		1965	x		Thái	Bản Phiêng Muông
2	Lò Văn Hiên		1952	x		Thái	Bản Giới A
3	Lò Văn Tiên		1955	x		Thái	Bản Giới B
4	Lù Văn Thao		1962	x		Thái	Bản Pá Khoang
5	Lù Văn Tủa		1950	x		Thái	Bản Pá Khôm
6	Lò Văn Dénh		1964	x		Thái	Bản Phiêng Púng
7	Lù Văn Tâm		1952	x		Thái	Bản Na Ngua
8	Lường Văn Chức		1961	x		Thái	Bản Co Đưa

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
9	Lường Văn Thu		1981	x		Thái	Bản Co Cưởm
10	Lò Văn Khoản		1970	x		Thái	Bản Ten Cù
11	Lò Văn Thiên		1954	x		Thái	Bản Phiêng Kên
12	Lò Văn Tường		1953	x		Thái	Bản Lại Trên
13	Lò Văn Phình		1969	x		Thái	Bản Nong Bua
14	Lò Văn Hòa		1957	x		Thái	Bản Yên
15	Lò Văn Lương		1985	x		Thái	Bản Che Phai
16	Tòng Văn Thoạn		1972	x		Thái	Bản Nà Luông
17	Tòng Văn Hặc		1938	x		Thái	Bản Na Cai
18	Lò Văn Trục		1954	x		Thái	Bản Na Ân
19	Lò Văn Dân		1969	x		Thái	Bản Na Lại
IX	Xã Keo Lôm	27					
1	Vàng Vừ Sớ		1962	x		Mông	Háng Lia 2
2	Mùa Chồng Tênh		1967	x		Mông	Trung Sua
3	Thào Bùa Lồng		1962	x		Mông	Keo Lôm I
4	Lò Thị Rau		1969		x	Khơ Mú	Suối Lư 4
5	Quảng Văn Sùng		1954	x		Khơ Mú	Suối Lư 1
6	Lò Văn Sinh		1963	x		Khơ Mú	Suối Lư 3
7	Ly Phá Chứ		1961	x		Mông	Keo Lôm 3
8	Lò Văn Hom		1942	x		Thái	Huổi Xa 1
9	Lường Văn Dinh		1964	x		Thái	Xa măn 2
10	Giàng A Sơ		1970	x		Mông	Huổi Hoa A1
11	Vừ Sáy Chớ		1976	x		Mông	Tia Ghênh A
12	Lò Văn Xi		1952	x		Khơ Mú	Suối Lư 2
13	Sùng Chứ Chia		1964	x		Mông	Tia Ghênh B
14	Mùa Chừ Súa		1962	x		Mông	Xì Cơ
15	Sùng A Sinh		1979	x		Mông	Từ Xa
16	Vừ Nỏ Pó		1960	x		Mông	Tia Ghênh C
17	Sùng Giồng Sề		1965	x		Mông	Huổi Múa B
18	Mùa Giồng Sênh		1952	x		Mông	Keo Lôm 2
19	Vừ Cháy Thảo		1955	x		Mông	Huổi Múa C
20	Thào Nụ Súa		1978	x		Mông	Chóp Ly
21	Lò Thị Vân		1985		x	Thái	Huổi Múa A
22	Lò Văn Thu		1945	x		Thái	Xam Măm 1
23	Lường Văn Tiên		1971	x		Thái	Huổi Xa 2
24	Sùng Mò Chừ		1972	x		Mông	Huổi Hoa A2

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
25	Thào Chù Cờ		1958	x		Mông	Bản Keo Lôm 3
26	Vàng A Nhìa		1981	x		Mông	Háng Lìa I
27	Quàng Văn Y		1965	x		Thái	Xa Măn I
X	Xã Phì Nhừ	24					
1	Ly Chử Phổng		1960	x		Mông	Pó Sinh A
2	Vàng Khua Sự		1963	x		Mông	Chua Ta C
3	Lò Văn Thảo		1937	x		Thái	Na Nghiu
4	Chá Nềnh Dế		1961	x		Mông	Chống Sư B
5	Vàng Phái Chính		1954	x		Mông	Chống Sư A
6	Vàng Chừ Sớ		1957	x		Mông	Suối Lư
7	Hạ Sếnh Sềnh		1969	x		Mông	Háng Sông Dưới
8	Ly Phái Chính		1978	x		Mông	Pó Sinh B
9	Vàng Phá Ly		1953	x		Mông	Chống Mông
10	Chá Sái Phổng		1956	x		Mông	Từ Xa A
11	Vàng Sái Ly		1964	x		Mông	Chua Ta B
12	Lầu Giả Chử		1970	x		Mông	Tào Xa B
13	Hạ Chù Cầu		1962	x		Mông	Tào Xa A
14	Hạ Vả Vư		1950	x		Mông	Háng Sông Trên
15	Sùng Gà Lầu		1961	x		Mông	Phì Nhừ B
16	Vừ Vả Mua		1967	x		Mông	Chua Ta A
17	Lầu vả Sềnh		1959	x		Mông	Cò Dề B
18	Lầu Bua Xá		1960	x		Mông	Cò Dề A
19	Hờ Chờ Súa		1960	x		Mông	Háng Trợ
20	Thào Sái Dơ		1964	x		Mông	Phì Nhừ A
21	Hạng Bua Sếnh		1954	x		Mông	Chống Đông B
22	Lầu Chồng Di		1959	x		Mông	Từ Xa B
23	Mùa Chử Tinh		1978	x		Mông	Pu Xi
24	Hạ Vả Sớ		1947	x		Mông	Chống Đông A
XI	Thị trấn	6					
1	Quàng Văn Sôm		1962	x		Thái	Tổ Số 1
2	Lường Văn Sóng		1944	x		Thái	Tổ Số 2
3	Quàng Văn Uốn		1956	x		Thái	Tổ Số 3
4	Cà Văn Giảng		1955	x		Thái	Tổ Số 4
5	Lò Văn Pó		1960	x		Thái	Tổ Số 5
6	Vàng Pà Nu		1964	x		Mông	Tổ Số 7
XII	Xã Tia Đình	14					

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Sùng Dứa Dế		1948	x		Mông	Bản Tà Dinh A
2	Giàng Khua Say		1964	x		Mông	Bản Tà Dinh A
3	Giàng Sênh Tùng		1937	x		Mông	Bản Tà Dinh A
4	Giàng Giả Thanh		1948	x		Mông	Bản Chua Ta A
5	Tráng Sáy Hạ		1957	x		Mông	Bản Chua Ta B
6	Lò Văn Mông		1955	x		Lào	Bản Na Su
7	Quàng Văn Khẹm		1950	x		Thái	Bản Na Hay A
8	Quàng Văn Luyện		1973	x		Thái	Bản Na Hay B
9	Vàng Tổng Sênh		1963	x		Mông	Bản Háng Súa B
10	Giàng Giồng Vàng		1955	x		Mông	Bản Háng Súa A
11	Thào Giả Tênh		1959	x		Mông	Bản Tà Ghềnh
12	Giàng Vàng Pó		1944	x		Mông	Bản Púng Báng
13	Cứ Giồng Của		1938	x		Mông	Bản Tào La A
14	Giàng Tổng Sênh		1934	x		Mông	Bản Tào La B
XIII	Xã Mường Luân	19					
1	Lò Văn Thanh		1968	x		Thái	Pá Vạt 1
2	Lò Văn Hình		1958	x		Thái	Pá Vạt 2
3	Lò Văn Kiên		1964	x		Thái	Pá Vạt 3
4	Lò Văn Thịnh		1961	x		Thái	Tạng Áng
5	Lường Văn Anh		1958	x		Thái	Na Ten
6	Tòng Văn Pánh		1983	x		Khơ Mú	Hát Sọt
7	Quàng Văn Chơ		1964	x		Khơ Mú	Na Pục
8	Lò Văn Sương		1970	x		Thái	Trung Tâm
9	Lò Văn Hương		1958	x		Thái	Na Sản 2
10	Lò Văn Lả		1954	x		Thái	Phiêng Sọt
11	Quàng Văn Dọn		1952	x		Thái	Na Sản 1
12	Lò Văn Lún		1962	x		Lào	Bản Bánh
13	Lò Văn Te		1957	x		Lào	Na Hát
14	Lò Văn Đội		1957	x		Lào	Co Kham
15	Lò Văn Phảng		1958	x		Lào	Mường Luân 2
16	Lò Văn Khến		1952	x		Lào	Mường Luân 1
17	Lò Văn Muôn		1960	x		Lào	Mường Luân 3
18	Lò Văn Ký		1948	x		Thái	Pá Pao 2
19	Tòng Văn Nó		1957	x		Thái	Pá Pao 1
XIV	Xã Phình Giàng	12					
1	Vàng Chứ Phổng		1946	x		Mông	Xa Vua A

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
2	Vàng Súa Sênh		1968	x		Mông	Pà Lâu
3	Cháng Sánh Thảo		1961	x		Mông	Xa Vua B
4	Giàng Giống Tủa		1948	x		Mông	Xa Vua C
5	Vàng Nhia Dế		1962	x		Mông	Pa Cá
6	Vàng Vả Dơ		1955	x		Mông	Phá Khẩu
7	Thào Chồng Tủa		1962	x		Mông	Phi Xua B
8	Vàng Nhia Sùng		1963	x		Mông	Phi Xua A
9	Vàng Giống Sùng		1966	x		Mông	Phi Cao
10	Quàng Văn Hặc		1964	x		Khơ Mú	Huổi Dụa
11	Lò Văn Lả		1962	x		Khơ Mú	Huổi Có
12	Nạ Văn Gơ		1952	x		Khơ Mú	Cảnh Lay
L	Huyện Nậm Pồ	127					
I	Xã Na Cô Sa	9					
1	Tỉnh A Sính		1979	x		Mông	Na Cô Sa I
2	Phàng A Lồng		1960	x		Mông	Na Cô Sa II
3	Sùng A Gà		1957	x		Mông	Na Cô Sa III
4	Thào A Dơ		1961	x		Mông	Na Cô Sa IV
5	Tỉnh A Vàng		1964	x		Mông	Huổi Thủng I
6	Hờ A Cháng		1964	x		Mông	Huổi Thủng II
7	Thào A Chú		1957	x		Mông	Huổi Thủng III
8	Sùng Vừ Páo		1947	x		Mông	Bản Pắc A 1
9	Lồng A Lử		1970	x		Mông	Bản Pắc A 2
II	Xã Pa Tần	8					
1	Vàng Văn Ấn		1948	x		Thái	Pa Tần
2	Chào Nẻ Trình		1966	x		Dao	Huổi Sâu
3	Hùng Văn Khăm		1960	x		Cống	Là Chà
4	Thào A Siêu		1961	x		Mông	N. Thà Là
5	Hạng A Cửa		1953	x		Mông	Ta Hăm
6	Vừ Trừ Súa		1958	x		Mông	H. Khương
7	Vàng A Lầu		1969	x		Mông	Huổi tre
8	Giàng A Lệnh		1964	x		Mông	Huổi Púng
III	Xã Chà Cang	6					
1	Tao Văn Ôn		1969	x		Thái	Nà khuyết
2	Lò Văn Đôi		1960	x		Thái	Bản Mới 2
3	Hạng A Sinh		1955	x		Mông	Hồ Hải
4	Sùng A Thống		1930	x		Mông	Huổi Chá

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
5	Lèng Thị Dăm		1950		x	Thái	Bản Mới 1
6	Giàng A Do		1976	x		Mông	Nậm Hải
IV	Xã Nậm Tin	9					
1	Giàng A Lồng		1976	x		Mông	Nậm Tin 1
2	Sùng A Phừ		1965	x		Mông	Nậm Tin 2
3	Thào A Đình		1959	x		Mông	Nậm Tin 3
4	Vàng A Lù		1975	x		Mông	Nậm Tin 4
5	Sùng A Của		1972	x		Mông	Mốc 4
6	Thào A Sáng		1964	x		Mông	Huổi Đáp
7	Giàng A Chính		1975	x		Mông	Tàng Do
8	Thào A Páo		1958	x		Mông	Vàng Léch
9	Lý A Sái		1965	x		Mông	Huổi Tang
V	Xã Nà Khoa	10					
1	Hờ A Vảng		1973	x		Mông	Nậm Nhừ 2
2	Giàng A Lồng		1973	x		Mông	Huổi Hâu
3	Ma A Lành		1992	x		Mông	Huổi Lụ 1
4	Lý Văn Phong		1982	x		Kháng	Nà Khoa 2
5	Thùng Văn Pôm		1956	x		kháng	Nà Khoa 1
6	Thào A Sừ		1942	x		Mông	Huổi Đáp
7	Cư A Ký		1977	x		Mông	Nậm Chăn
8	Kháng A Phú		1950	x		Mông	Huổi Po
9	Giàng A Sai		1984	x		Mông	Nậm Nhừ Con
10	Hờ A Va		1970	x		Mông	Nậm Pồ Con
VI	Xã Nậm Nhừ	6					
1	Sùng A Sảo		1978	x		Mông	Nậm Nhừ 1
2	Thào A Dừng		1957	x		Mông	Nậm Nhừ 3
3	Vàng A Hòa		1967	x		Mông	Nậm Chua 1
4	Sùng A Tính		1966	x		Mông	Nậm Chua 3
5	Lý A Pao		1965	x		Mông	Huổi Lụ 2
6	Hạng A Vần		1975	x		Mông	Huổi Lụ 3
VII	Xã Nà Hỳ	10					
1	Hoàng A Sà		1956	x		Dao	Huổi Hoi
2	Chảo Trần Pú		1975	x		Dao	Huổi Cơ Đạo
3	Lý Lìn Siêu		1963	x		Dao	Sín Chải 2
4	Tao Văn Hòa		1968	x		Thái	Nà Hỳ 2
5	Lường Văn Đôi		1955	x		Thái	Nà Hỳ 1

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
6	Vàng A Minh		1970	x		Mông	Lai Khoang
7	Giàng A Lồng		1955	x		Mông	Xam Lang
8	Tần Diêu Sơn		1978	x		Dao	Sín Chải 1
9	Giàng A Tính		1955	x		Mông	Huổi Sang
10	Lê Minh Tân		1964	x		Kinh	Nà Hỳ 3
VIII	Xã Nậm Chua	7					
1	Giàng Khua Kỷ		1966	x		Mông	Nậm chua 2
2	Lầu A Vảng		1969	x		Mông	Nậm chua 4
3	Tánh A Khoá		1955	x		Mông	Nậm chua 5
4	Hoàng A Máng		1981	x		Mông	Huổi Cơ Mông
5	Vàng Văn Phan		1964	x		Khơ Mú	Nậm Ngà 1
6	Vàng Văn Vay		1971	x		Khơ Mú	Nậm Ngà 2
7	Lò Văn Yên		1968	x		Thái	Phiêng Ngũa
IX	Xã Nà Bùng	8					
1	Thào A Chứ		1984	x		Mông	Nà Bùng 1
2	Thào A Lang		1968	x		Mông	Nà Bùng 2
3	Giàng A Lồng		1982	x		Mông	Nà Bùng 3
4	Hờ A Trừ		1979	x		Mông	Ngài Thầu 1
5	Cư A Sùng		1976	x		Mông	Ngài Thầu 2
6	Giàng A Súa (A)		1970	x		Mông	Nậm Tắt
7	Sùng Chừ Sừ		1968	x		Mông	Pá Kha
8	Giàng Nhè Lênh		1972	x		Mông	Trên Nương
X	Xã Vàng Đán	7					
1	Thào A Lử		1990	x		Mông	Ham Song I
2	Cư A Sủ		1973	x		Mông	Ham Song II
3	Tráng A Chớ		1960	x		Mông	Nộc Cốc I
4	Thào A Chu		1973	x		Mông	Nộc Cốc II
5	Chảo Văn Sơn		1975	x		Dao	Vàng Đán Đạo
6	Giàng Seo Dì		1960	x		Mông	Huổi Đạo
7	Giàng Bia Páo		1951	x		Mông	Huổi Khương
XI	Xã Chà Nưa	9					
1	Poòng Văn Hơ		1958	x		Thái	Bản Nà Cang
2	Thùng Văn Hơ		1958	x		Thái	Bản Nà Sự I
3	Lò Văn Pư		1950	x		Thái	Bản Nà Sự II
4	Tao Văn Phương		1954	x		Thái	Bản Pa Có
5	Thùng Văn Cung		1960	x		Thái	Bản Nà Ấn I

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
6	Thùng Thị Sinh		1955		x	Thái	Bản Nà Ấn II
7	Tao Văn Vin		1958	x		Thái	Bản Bản Cầu
8	Khoảng Văn Pẩn		1952	x		Thái	Bản Hô Bai
9	Vàng A Của		1964	x		Mông	Bản Nậm Đích
XII	Xã Nậm Khăn	6	6				
1	Cháng A Lâu		1980	x		Mông	Bản Hô Tâu
2	Lèng Văn Hơ		1954	x		Thái	Bản Nậm Khăn
3	Khoảng Văn Thái		1965	x		Thái	Bản Vàng Xôn II
4	Khoảng Văn Cại		1956	x		Thái	Bản Vàng Xôn I
5	Vàng A Vàng		1985	x		Mông	Bản Nậm Pang
6	Mùa Chờ Cá		1975	x		Mông	Bản Huổi Văng
XIII	Xã Chà Tở	10					
1	Thùng Văn Bất		1949	x		Thái	Bản Nà Ến
2	Khoảng Văn Pành		1936	x		Thái	Bản Nà Pầu
3	Tao Văn Thung		1940	x		Thái	Bản Nà Mười
4	Lầu A Súa		1958	x		Mông	Bản Hô Hăng
5	Hạng A Của		1970	x		Mông	Bản Hô He
6	Cháng A Và		1952	x		Mông	Bản Sìn Thàng
7	Tao Văn Chiêng		1942	x		Thái	Bản Nậm Củng
8	Sùng A Phình		1958	x		Mông	Bản Hô Củng
9	Khoảng Văn Chương		1963	x		Thái	Bản Nậm Chua
10	Mùa A Sinh		1950	x		Mông	Bản Huổi Anh
XIV	Xã Phìn Hồ	7					
1	Khoảng Văn Lúng		1954	x		Thái	Bản Chăn Nuôi
2	Hồ Sín Dền		1945	x		Hoa	Bản Đề Tinh II
3	Giàng A Sáu		1960	x		Mông	Bản Đề Tinh I
4	Ngải Cù Lý		1958	x		Hoa	Bản Đề Pua
5	Cháng A Tàng		1970	x		Mông	Bản Phìn Hồ
6	Ngải Lao Quang		1952	x		Hoa	Bản Mo Công
7	Sùng Giồng Vừ		1952	x		Mông	Bản Mậy Hốc
XV	Xã Si Pa Phìn	15					
1	Lò Văn Lọ		1955	x		Thái	Bản Tân Phong I
2	Vàng Văn Hòn		1945	x		Thái	Bản Tân Lập
3	Đỗ Quang Hòa		1956	x		Kinh	Bản Tân Hưng
4	Vàng Cá Dơ		1974	x		Mông	Bản Chế Nhù
5	Vừ A Vàng		1972	x		Mông	Bản Pú Dao

STT	Họ và tên	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú
				Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8
6	Cháng A Tùng		1977	x		Mông	Bản Sân Bay
7	Điêu Chính Tự		1957	x		Thái	Bản Tân Phong II
8	Giàng A Pháng		1964	x		Mông	Bản Phi Lĩnh
9	Lý A Giàng		1969	x		Mông	Bản Long Đạo
10	Vàng A Mây		1971	x		Mông	Bản Nậm Chim I
11	Điêu Văn Ty		1957	x		Thái	Bản Chiềng Nưa II
12	Vàng Văn Lai		1965	x		Thái	Bản Chiềng Nưa I
13	Sùng Vàng Phử		1967	x		Mông	Bản Nậm Chim II
14	Vàng Giồng Chá		1954	x		Mông	Bản Văn Hồ
15	Giàng A Đình		1991	x		Mông	Bản Háng Dúng